

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HOÀNG THỊ HẢI

**CHUYỂN BIẾN KINH TẾ, XÃ HỘI HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015**

Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã số : 60.22.03.13.

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ VIỆT NAM

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. TRẦN ĐỨC CƯỜNG

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các tài liệu, tư liệu nêu trên trong luận văn là trung thực. Luận văn có sự kế thừa các công trình nghiên cứu của những người đi trước và có sự bổ sung thêm tư liệu mới và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Hoàng Thị Hải

LỜI CẢM ƠN

Với lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc, tôi xin gửi lời cảm ơn đến người Thầy, người hướng dẫn khoa học cho tôi, Phó Giáo sư, Tiến sĩ **Trần Đức Cường** - người đã dành nhiều thời gian, tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình thực hiện đề tài.

Xin được bày tỏ lòng biết ơn tới các thầy giáo, cô giáo trong khoa Sư học, cùng với các thầy cô giáo, các phòng ban của Học Viện Khoa Học Xã Hội đã quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại Học Viện.

Trân trọng cảm ơn Huyện Ủy, Ủy ban Nhân Dân Huyện Duy Tiên, Văn phòng Huyện ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các phòng Thống kê, Kinh tế-hạ tầng, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài chính-kế hoạch và các phòng, ban, ngành, đoàn thể liên quan đã nhiệt tình giúp đỡ trong sưu tầm tư liệu, nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Luận văn không tránh khỏi những sai sót, vì vậy tôi rất mong sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, 28 tháng 07 năm 2016

Tác giả

Hoàng Thị Hải

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI HUYỆN DUY TIÊN TRƯỚC NĂM 1996	9
1.1 Khái quát huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam.....	9
1.2 Tình hình kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên trước năm 1996	19
Tiểu kết chương 1.....	33
Chương 2: CHUYỂN BIẾN KINH TẾ TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015	35
2.1 Huyện Duy Tiên trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2015.....	35
2.2 Chuyển biến về kinh tế huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015.....	37
Tiểu kết chương 2.....	52
Chương 3: CHUYỂN BIẾN XÃ HỘI TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015	54
3.1. Chủ trương của huyện về các vấn đề xã hội	54
3.2 Chuyển biến về xã hội huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015	55
Tiểu kết chương 3.....	70
KẾT LUẬN	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO	76

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong công cuộc đẩy mạnh sự nghiệp Công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên khắp mọi miền Tổ quốc, nhân dân các huyện nói chung và nhân dân Duy Tiên nói riêng đã tiếp thu phương hướng, nhiệm vụ mục tiêu của Đảng và Nhà nước, vận dụng sáng tạo vào điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của địa phương để phát triển.

Duy Tiên là một huyện nằm ở vùng đồng bằng sông Hồng, cả huyện có 18 xã, thị trấn. Sau khi Nam Hà tách tỉnh thành Hà Nam và Nam Định năm 1996, chính quyền và nhân dân huyện Duy Tiên thuộc Hà Nam thực sự bước vào thời kì Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công cuộc Đổi mới. Trong suốt thời kì thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh sự nghiệp Công nghiệp hoá, hiện đại hóa (1996- 2015) nhân dân huyện Duy Tiên đã từng bước phát huy thế mạnh, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đa dạng các loại hình kinh tế, từng bước tạo ra những thành tựu to lớn về xã hội, nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Nghiên cứu chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam từ năm 1996 đến năm 2015 nhằm giúp người đọc thấy rõ hơn quá trình chuyển biến kinh tế, xã hội ở một huyện vùng Đồng bằng Bắc Bộ. Trong thời kì này ngoài việc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp trên vùng đất trước đây mang danh là “đồng chiêm trũng” nhân dân các xã trên địa bàn huyện Duy Tiên còn đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, thương mại, đồng thời chú trọng phát triển hệ thống an sinh xã hội thể hiện trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, chăm sóc gia đình chính sách, người khuyết tật, giải quyết công ăn việc làm. Nhờ đó đời sống người dân dần thay đổi theo hướng đi lên.

Việc nghiên cứu về các chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên tác giả hi vọng có thể chỉ ra những mặt tích cực, và cả những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đi lên của nhân dân Duy Tiên. Ngoài ra đề tài này còn góp phần nghiên cứu thực tiễn sinh động đang diễn ra trong kinh tế, xã hội của huyện.

Trên cơ sở dựng lại bức tranh kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015 tác giả luận văn sẽ cố gắng rút ra một số kinh nghiệm, bước đầu cho việc định ra phương hướng phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong thời gian tới. Không những thế, đề tài có tác dụng giáo dục tình yêu quê hương, nâng cao nhận thức của giới trẻ về công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang là một trong những nhiệm vụ quan trọng hiện nay của nhân dân huyện Duy Tiên.

Đề tài này cũng làm rõ quá trình tình hình thực tiễn địa phương như thế nào để vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng, phát huy thế mạnh để từng bước chuyển đổi cơ cấu kinh tế phù hợp với điều kiện địa phương đẩy mạnh Công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Từ đó từng bước làm thay đổi diện mạo nông thôn và đời sống nhân dân trong huyện. Bên cạnh đó, đề tài còn hệ thống hóa tư liệu liên quan đến tỉnh Hà Nam nói chung, Huyện Duy Tiên nói riêng để tiếp tục nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, phục vụ công tác học tập và giảng dạy lịch sử địa phương.

Xuất phát từ những giá trị khoa học và thực tiễn, và với tư cách là một người con của quê hương Duy Tiên, tôi mạnh dạn chọn đề tài “*Chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam từ năm 1996 đến năm 2015*” làm Luận văn Thạc sĩ khoa học, chuyên ngành Lịch sử Việt Nam của mình nhằm thể hiện tình cảm với quê hương và góp phần nhỏ bé vào công cuộc xây dựng và phát triển toàn diện huyện Duy Tiên.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chuyển biến về kinh tế, xã hội nhất là kinh tế trong 20 năm gần đây kể từ khi nước ta bước vào công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã thu hút được sự quan tâm của các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và các nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước. Nếu trước đây hướng nghiên cứu chỉ tập trung vào những chuyển biến đang diễn ra ở nông thôn, về nông nghiệp và đời sống nông dân thì hiện nay xu hướng đó đã mở rộng ra nhiều đối tượng, nhiều khu vực, nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội. Đối với vấn đề kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên cũng được một số nhà nghiên cứu quan tâm đề cập, song còn nhiều khía cạnh. Có thể nêu các nhóm công trình sau:

2.1. Nhóm công trình nghiên cứu về kinh tế, xã hội nói chung

Lê Mậu Hãn (chủ biên), “*Đại cương lịch sử Việt Nam - tập 3*”, Nxb Giáo dục năm 2005, đã dành một chương viết về đất nước trên con đường đổi mới giai đoạn 1986 - 2000. Trong đó đề cập đến nội dung các đại hội đại biểu của Đảng lần thứ VI, VII, VIII, và nói về các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của nước nhà trong hơn 10 năm thực hiện đường lối đổi mới. Tác giả đã nêu lên những thành tựu chủ yếu, những mặt hạn chế và bài học kinh nghiệm trong quá trình đổi mới đất nước, đặc biệt là sự chuyển mình của đất nước trong buổi đầu thực hiện chủ trương Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó sự chuyển biến về kinh tế là điểm nổi bật.

Gần đây nhất, Viện sử học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam cho xuất bản bộ sách “*Lịch sử Việt Nam*” gồm 15 tập, trong tập 15 do PGS.TS Nguyễn Ngọc Mão chủ biên “*Lịch sử Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2000*” của cuốn sách có chương III: Phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1996 - 2000) với các nội dung rất phong phú về việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội trong thời

kì Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa đất nước.

Bên cạnh đó còn có nhiều công trình nghiên cứu, bài viết luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ như: Công trình: *Phát triển nông thôn* của GS.TS Phạm Xuân Nam(chủ biên) Nxb Khoa học xã hội ấn hành; bài viết *Phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới - khâu đột phá để cơ cấu lại nông nghiệp và nâng cao thu nhập bền vững cho người nông dân* của GS.TS Nguyễn Thiện Nhân đăng trên tạp chí Cộng sản, số 873, 7-2015; Luận án tiến sĩ lịch sử của Lương Thế Căn về *Chuyển biến kinh tế-xã hội thành phố Buôn Ma Thuột từ năm 1975 đến năm 2010* bảo vệ tại Học viện Khoa học xã hội năm 2014... Ngoài ra còn nhiều bài viết đăng trên một số báo, tạp chí khoa học chuyên ngành.

2.2 Nhóm công trình nghiên cứu về Hà Nam, huyện Duy Tiên

Ở góc độ địa phương nghiên cứu về vấn đề kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên cũng được đề cập đến trong một số tác phẩm như:

“*Địa chí Hà Nam*”, Nxb Khoa học Xã hội năm 2005, đã đề cập nhiều vấn đề về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, của tỉnh Hà Nam trong đó có huyện Duy Tiên.

Cuốn “*Lịch sử Đảng bộ huyện Duy Tiên (1930-2005)*”, của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên, Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hà Nam, 2009, là một công trình nghiên cứu dưới góc độ lịch sử Đảng, song đã trình bày khá công phu, ghi lại những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng... của Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên trong suốt thời kì 1930 - 2005. Những thành tựu đó đã tạo tiền đề vững chắc để huyện Duy Tiên bước vào thời kì Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu góp phần quan trọng trong việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

Cũng nghiên cứu ở góc độ lịch sử Đảng, cuốn “*Lịch sử Đảng bộ xã Mộc Bắc (1930- 2005)*”, do ban chấp hành đảng bộ xã Mộc Bắc thuộc huyện

Duy Tiên biên soạn cũng đã trình bày về những điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của xã Mộc Bắc. Tác phẩm ghi lại lịch sử hình thành vùng đất này, truyền thống và quá trình đấu tranh cách mạng của nơi đây. Trong đó có đề cập đến các ngành kinh tế, những thành tựu và hạn chế về kinh tế của xã trong nhiều giai đoạn lịch sử. Từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho sự phát triển trong giai đoạn sau.

Ngoài ra trong các báo cáo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện qua các kì đại hội, hay trong báo cáo của phòng nông nghiệp, phòng công thương... cũng đã đề cập đến kinh tế, xã hội của huyện trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng trên địa bàn huyện. Trong các phóng sự của báo Hà Nam, cổng thông tin điện tử huyện Duy Tiên và các phóng sự của đài phát thanh và truyền hình tỉnh Hà Nam, đài phát thanh huyện Duy Tiên cũng có đề cập đến kinh tế, xã hội của huyện trong thời kì Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tất cả các công trình trên đã góp phần làm sáng rõ nhiều vấn đề kinh tế, xã hội của đất nước, của tỉnh Hà Nam và huyện Duy Tiên dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Các công trình đó đã trực tiếp hoặc gián tiếp nghiên cứu về chuyển biến kinh tế, xã hội nói chung và chuyển biến kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên nói riêng. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, cụ thể và có hệ thống về “Chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam từ năm 1996 đến năm 2015”. Đây còn là một vấn đề mới mẻ và cần thiết đối với địa phương. Bởi vậy chúng tôi chọn vấn đề này làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình, với mong muốn tái hiện lại bức tranh kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu làm rõ quá trình chuyển biến về kinh tế và xã hội của

huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2015 để làm rõ những khó khăn và thuận lợi và các khuyết nhược điểm để từ đó rút ra những kinh nghiệm bước đầu cho hiện tại và các thời gian tiếp theo trong quá trình phát triển của huyện Duy Tiên.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Trong luận văn này tác giả tập trung nghiên cứu một số nội dung chính sau:

Làm rõ điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, xã hội, truyền thống lịch sử của huyện Duy Tiên từ trước năm 1996.

- Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các chủ trương, biện pháp mà Đảng bộ, chính quyền huyện Duy Tiên thực hiện phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

- Những chuyển biến kinh tế, xã hội của huyện trên tất cả các lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, du lịch và các hoạt động thương mại dịch vụ, giáo dục - văn hóa, y tế, môi trường, lao động - việc làm, thu nhập đời sống, an ninh - quốc phòng... Ngoài ra theo logic lịch sử chúng tôi cố gắng gắn sự chuyển biến kinh tế xã hội của huyện Duy Tiên trong xu thế chung của toàn tỉnh, toàn quốc.

- Làm rõ sự chuyển biến kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015, Chúng tôi cố gắng trình bày về vị trí của kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên nói riêng và đối với kinh tế tỉnh Hà Nam nói chung, từ đó rút ra những nhận xét khách quan, bài học kinh nghiệm nhằm góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên trong thời gian tới đây.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu:

Luận văn tập trung nghiên cứu những chuyển biến về kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam từ năm 1996 đến năm 2015 là thời gian toàn huyện đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông

thôn. Do đó luận văn tập trung nghiên cứu chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2015.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

Về thời gian: Với đề tài “Chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam từ năm 1996 đến năm 2015”, luận văn giới hạn quãng thời gian nghiên cứu của đề tài này từ năm 1996 đến năm 2015. Mốc năm 1996 là năm mở đầu cho công cuộc Công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước nói chung, của tỉnh Hà Nam cũng như huyện Duy Tiên nói riêng. Đặc biệt, ngày 6 tháng 11 năm 1996, kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa IX ra nghị quyết chia tỉnh Nam Hà để tái lập tỉnh Hà Nam và tỉnh Nam Định. Tỉnh Hà Nam gồm thị xã Phủ Lý (đổi tên từ thị xã Hà Nam) và 5 huyện: Bình Lục, Duy Tiên, Kim Bảng, Lý Nhân, Thanh Liêm.

Về không gian: Huyện Duy Tiên có 18 xã, thị trấn đề tài tập trung nghiên cứu về chuyển biến kinh tế, xã hội của các xã này bao gồm: Mộc Bắc, Mộc Nam, Duy Minh, Châu Giang, Chuyên Ngoại, Tiên Ngoại, Đọi Sơn, Trác Văn, Yên Bắc, Đồng Văn, Duy Hải, Tiên Nội, Tiên Phong, Yên Nam, Hoàng Đông, Hòa Mạc, Châu Sơn, Bạch Thượng.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mac-Lê nin về hình thái kinh tế - xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển kinh tế xã hội, chủ trương đường lối đổi mới của Đảng về phát triển đất nước trong thời kì đổi mới, hội nhập và phát triển.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu đề tài này luận văn sử dụng phương pháp chuyên ngành là phương pháp lịch sử và phương pháp logic để trình bày và lý giải những vấn đề mà đề tài đặt ra. Bên cạnh đó chúng tôi còn kết hợp sử

dụng các phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp thống kê, đối chiếu so sánh, và điền dã...để đánh giá một cách khách quan, khoa học đối với các vấn đề nghiên cứu, nhằm đảm bảo tính chính xác khoa học của đề tài.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn là một công trình nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên từ năm 1996 - 2015. Thông qua luận văn này chúng tôi muốn đóng góp trên một vài phương diện sau:

Góp phần tập hợp nguồn tư liệu liên quan đến tình hình kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên nhằm tạo thuận lợi cho việc nghiên cứu lịch sử địa phương.

Qua nghiên cứu có hệ thống và toàn diện về lịch sử chuyển biến kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên từ năm 1996 – 2015, từ đó đánh giá một cách xác đáng, khách quan, khoa học về sự phát triển kinh tế, xã hội của huyện Duy Tiên.

Đề tài còn góp phần cùng Đảng bộ chính quyền, và nhân dân các xã rút ra bài học kinh nghiệm, đồng thời đề ra một số nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của huyện trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của đề tài còn là tài liệu tham khảo phục vụ công tác giảng dạy và học tập lịch sử địa phương ở trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện, từ đó giáo dục thế hệ trẻ biết trân trọng những thành quả nhân dân đạt được trong thời kì 1996 - 2015.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính của luận văn được trình bày trong ba chương:

Chương 1: Khái quát về điều kiện tự nhiên và tình hình kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên trước năm 1996

Chương 2: Chuyển biến kinh tế từ năm 1996 đến năm 2015

Chương 3 : Chuyển biến xã hội từ năm 1996 đến năm 2015

Chương 1

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI HUYỆN DUY TIÊN TRƯỚC NĂM 1996

1.1 Khái quát huyện Duy Tiên tỉnh Hà Nam

1.1.1 Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý

Huyện Duy Tiên thuộc vùng đồng bằng châu thổ Sông Hồng. Lúc đầu huyện Duy Tiên vốn là huyện Duy Tân, thành lập và đặt tên năm Quang Thuận thứ 10 (1469). Đến đời Lê Thánh Tông, Đời Lê Trung Hưng do kiêng tên Huý Kính Tông, Duy Tân đổi là huyện Duy Tiên. Năm 1967, Bộ nội vụ nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ban hành Quyết định 163-NV hợp nhất một số xã thuộc huyện Duy Tiên. Hợp nhất 2 xã Yên Hà và Chuyên Mỹ lấy tên là xã Chuyên Ngoại, hợp nhất 2 xã Thành Công và Thắng Lợi lấy tên là xã Trác Văn, hợp nhất 2 xã Tiên Minh và Tiên Hương lấy tên là xã Yên Nam, hợp nhất 2 xã Tiên Hòa và Tiên Hồng lấy tên là xã Lam Hạ, hợp nhất 2 xã Tiên Lý và Tiên Thái lấy tên là xã Hoàng Đông. Phủ Thủ tướng ban hành Quyết định 1507-TTCP năm 1976, hợp nhất một số xã thuộc huyện Duy Tiên. Hợp nhất 2 xã Tiên Yên và Tiên Thắng thành xã Yên Bắc, hợp nhất 2 xã Chuyên Nội và Trác Bút và thôn Duyệt Giang (xã Tiên Yên) lấy tên là xã Châu Giang. Năm 1984 thành lập thị trấn Đồng Văn từ diện tích tự nhiên của xã Duy Minh và xã Hoàng Đông. Năm 1986 thành lập thị trấn Hòa Mạc - thị trấn huyện lỵ của huyện Duy Tiên từ diện tích của xã Yên Bắc xã Trác Văn.

Năm 2000, xã Lam Hạ được sáp nhập vào thị xã Phú Lý. Năm 2013 một phần diện tích và dân số của huyện Duy Tiên gồm dân số các xã Tiên Hiệp, Tiên Tân và Tiên Hải chuyển về thành phố Phú Lý. Sau nhiều lần chia tách địa giới, hiện nay Duy Tiên còn 12.100,35 ha và dân số là 227,971 người, với 16 xã và 2 thị trấn.

Huyện Duy Tiên là một huyện nằm ở phía bắc của tỉnh Hà Nam, là cửa ngõ phía nam của thủ đô Hà Nội. Phía đông huyện Duy Tiên có dòng sông Hồng chảy qua tiếp giáp với huyện Kim Động và thành phố Hưng Yên của tỉnh Hưng Yên. Phía nam huyện Duy Tiên giáp với huyện Bình Lục và thành phố Phủ Lý. Phía tây huyện Duy Tiên giáp với huyện Kim Bảng của tỉnh Hà Nam.

Với vị trí như vậy, Duy Tiên thuận lợi giao lưu kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các vùng và các huyện phụ cận. Đây chính là ưu thế của Duy Tiên nói chung trong việc phát triển kinh tế gắn với quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đặc điểm địa hình

Huyện có địa hình đặc trưng của vùng đồng bằng thuộc khu vực châu thổ Sông Hồng. Nhìn chung địa hình của huyện khá thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa và cây vụ đông. Địa hình của huyện được chia thành 2 tiểu địa hình: Vùng ven đê sông Hồng và sông Châu Giang bao gồm các xã Mộc Nam, Mộc Bắc, Châu Giang, Yên Nam, Đọi Sơn... có địa hình cao hơn, đặc biệt là khu vực núi Đọi, núi Điep thuộc các xã Đọi Sơn và Yên Nam. Vùng có địa hình thấp bao gồm các xã nội đồng như Tiên Nội, Tiên Ngoại, Yên Bắc chiếm phần lớn diện tích tự nhiên của huyện; độ cao phổ biến từ 1-2 m, bằng phẳng, xen kẽ là các gò nhỏ, ao, hồ, đầm.

Khí hậu, thời tiết

Duy Tiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm, mưa nhiều thuộc khí hậu vùng đồng bằng Bắc Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa đông bắc và gió mùa đông nam, đặc điểm nổi bật nhất là sự tương phản giữa mùa đông và mùa hè, cả về tính chất phạm vi và cường độ của các trung tâm khí áp, các khối không khí thịnh hành và hệ thống thời tiết kèm theo cũng thay đổi theo mùa.

Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 10 với đặc trưng là nóng, ẩm và mưa nhiều. Hướng gió thịnh hành là gió Đông - Nam với tốc độ

2-4m/s. Nhiệt độ trung bình cao nhất 38⁰C, lượng mưa từ 1.100-1.500 mm, chiếm 80% lượng mưa cả năm.

Mùa khô: Bắt đầu từ giữa tháng 11 cho đến cuối tháng 3 năm sau, có khí hậu lạnh, ít mưa. Hướng gió thịnh hành là Đông – Bắc, thường gây lạnh đột ngột. Nhiệt độ trung bình thấp nhất là 15⁰C.

* Lượng mưa: Lượng mưa hàng năm từ 1.800-2.000 mm, tập trung vào tháng 7, 8, 9 (chiếm 80% tổng lượng mưa trong năm).

* Nắng: Số giờ nắng trung bình năm 1.200 - 1.600 giờ, thuận lợi phát triển nhiều loại cây trồng và trồng được nhiều vụ trong năm. Tuy nhiên, mùa đông số giờ nắng chiếm trung bình 28% tổng số giờ nắng cả năm. Có tháng chỉ có 17,9 giờ nắng, trời âm u, độ ẩm cao sâu bệnh phát triển ảnh hưởng xấu đến sản xuất nông nghiệp.

* Gió, bão: Mỗi năm có từ 2 - 4 cơn bão đổ bộ vào huyện kèm theo mưa to và gió mạnh, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trong vùng.

Nhìn chung, khí hậu huyện Duy Tiên với các đặc điểm nhiệt đới gió mùa, nắng và bức xạ mặt trời lớn thuận lợi cho phát triển một nền nông nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi và tạo điều kiện tốt cho thâm canh tăng vụ. Tuy nhiên, những ảnh hưởng của thiên tai như bão, dông, lượng mưa tập trung theo mùa... kết hợp với địa hình thấp gây ngập úng cục bộ một số vùng đòi hỏi phải có biện pháp phòng tránh kịp thời.

Điều kiện thủy văn

Duy Tiên có mạng lưới sông ngòi tương đối dày đặc với 3 con sông lớn chảy qua là sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ, Sông Hồng có lượng nước khá dồi dào, chiều dài sông chạy qua huyện là 12km. Hàng năm sông bồi đắp một lượng phù sa tươi tốt cho diện tích đất ngoài đê bồi và cho đồng ruộng qua cống lấy nước tưới Mộc Nam dưới đê sông Hồng. Trên sông

có công điều tiết Đập Sơn làm nhiệm vụ tưới tiêu cho các vùng đất trong huyện. Sông Nhuệ là sông đào nối sông Hồng tại Hà Nội và hợp lưu với sông Đáy tại Phủ Lý. Ngoài 3 sông chính, huyện còn có mạng lưới các sông ngòi nhỏ với các ao, hồ, đầm là nguồn bổ sung và dự trữ rất quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt vào mùa khô hạn.

Nhìn chung mật độ sông ngòi của huyện khá dày và đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Do địa hình bằng phẳng, độ dốc của các sông nhỏ nên khả năng tiêu thoát nước chậm, đặc biệt vào mùa lũ, mực nước các con sông chính lên cao cùng với mưa lớn tập trung thường gây ngập úng cục bộ cho vùng có địa hình thấp trũng, gây ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Các nguồn tài nguyên

** Tài nguyên đất:*

Duy Tiên có diện tích tự nhiên 12.100,35 ha. Đất đai trong huyện chủ yếu được hình thành do quá trình bồi lắng của phù sa hệ thống sông Hồng và sông Châu Giang. Theo nguồn gốc phát sinh có thể chia đất đai của huyện thành 3 nhóm chính:

Nhóm Đất phù sa, với 6.679,0 ha (48,55% diện tích tự nhiên) đóng vai trò chính trong sản xuất nông nghiệp. Đây là loại đất phân bố hầu hết ở các xã trong huyện, được sử dụng với nhiều cơ cấu cây trồng cũng như chế độ canh tác khác nhau.

**Tài nguyên nước:*

Tài nguyên nước của huyện Duy Tiên được nhìn nhận và đánh giá trên cơ sở nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm.

Nguồn nước mặt: Chủ yếu là nước sông, hồ, ao, trong đó: sông Hồng, sông Châu Giang và sông Nhuệ là nguồn cung cấp nước chính. Về mùa mưa do ảnh hưởng của mưa lớn tập trung gây ra tình trạng ngập úng cục bộ đối với

những vùng đất thấp trũng. Mặt khác huyện còn có mạng lưới kênh rạch nhỏ và ao, hồ khá dày đặc là nguồn cung cấp, dự trữ quan trọng khi mực nước các sông chính xuống thấp, đặc biệt là vào mùa khô. Ngoài ra lượng nước mưa hàng năm cũng là nguồn cung cấp nước cho sinh hoạt nhân dân.

Nguồn nước ngầm: Qua khảo sát ban đầu cho thấy huyện có nguồn nước ngầm khá dồi dào ở độ sâu dễ khai thác. Nồng độ sắt trong nước khá cao và có xu hướng tăng dần theo hướng từ Đông sang Tây. Từ năm 1993 đến năm 2015 được tổ chức Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc(UNICEF) viện trợ, nhân dân trong huyện thường khoan giếng lấy nước ở độ sâu từ 50-150m.

Nói chung, nguồn nước của huyện dồi dào và dễ khai thác đưa vào sử dụng. Chất lượng nước mặt khá tốt, nước ngầm nếu khai thác đưa vào sử dụng phải qua quá trình xử lý làm sạch.

* Tài nguyên khoáng sản: Vùng đất ven sông Châu Giang có các mỏ sét ruộng ở độ sâu từ 0,5m - 1,5m có thể khai thác sử dụng làm vật liệu xây dựng. Ngoài ra một số xã nằm ven sông Hồng còn có thể khai thác đất, vật liệu xây dựng, cát phục vụ cho xây dựng, san lấp.

1.1.2 Đặc điểm kinh tế - xã hội:

1.1.2.1 Đặc điểm kinh tế:

Với tổng diện tích là 12.100,35 ha, với tiềm năng đất đai như vậy, nhân dân cần cù lao động, giàu kinh nghiệm trong sản xuất Duy Tiên có điều kiện phát triển nông. Bên cạnh đó, Duy Tiên còn có hàng trăm hecta mặt nước ở vùng chiêm trũng có khả năng nuôi và đánh bắt thủy sản, tạo thành một nguồn thu nhập quan trọng trong kinh tế gia đình.

Sản xuất nông nghiệp tuy còn khó khăn, phụ thuộc vào thiên nhiên nhưng từ xưa tới nay Duy Tiên vẫn được coi là vựa lúa của tỉnh Hà Nam. Bên cạnh sản xuất nông nghiệp Duy Tiên cũng có nhiều nghề thủ công, đáng chú ý là làng nghề dệt lụa Mộc Nam, rượu làng Vân, làng Bèo, ngoài ra còn nghề

mây tre đan ở Hoàng Đông, nghề trồng ở Đọi Tam... ở rải rác các xóm có nghề thợ nề, làm bún, làm bánh... những nghề thủ công này đã góp phần làm cho kinh tế Duy Tiên thêm đa dạng.

Duy Tiên có tuyến trục giao thông là quốc lộ 1A, đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình và đường sắt Thống Nhất chạy qua. Bên cạnh đó còn có tuyến Quốc lộ 38 từ Đồng Văn đi Hòa Mạc - cầu Yên Lệnh - Hưng Yên và quốc lộ 38B nối từ Hải Dương qua Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định tới Ninh Bình. Hiện nay các tuyến đường liên thôn, liên xã, huyện, tỉnh đang được đầu tư mở rộng, nâng cấp và bê tông hóa, đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, góp phần tạo điều kiện để địa phương đẩy mạnh giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Về đường thủy, Duy Tiên có sông Nhuệ, sông Châu Giang, sông Hồng nên rất thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế và phát triển thương mại, dịch vụ với các trung tâm kinh tế lớn của cả nước. Với vị trí thuận lợi huyện Duy Tiên đã và đang hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp như khu công nghiệp Đồng Văn, cụm công nghiệp Hoàng Đông, cụm công nghiệp Cầu Giát...

Với cơ sở hạ tầng và hệ thống giao thông nói trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của cư dân, góp phần phát triển kinh tế, trao đổi hàng hóa, giao lưu tiếp xúc với các vùng trong huyện, với các huyện phụ cận và các tỉnh bạn từ Bắc vào Nam. Bên cạnh đó còn góp phần phát triển các loại hình dịch vụ vận tải.

Trong những năm qua, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh và cả nước, các ngành kinh tế của huyện đã có bước phát triển đáng kể ở hầu hết các ngành, các lĩnh vực từ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản đến công nghiệp, xây dựng cơ bản, tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ, đặc biệt là nhóm ngành công nghiệp đã tạo đà cho quá trình hoà chung công cuộc công nghiệp hoá - hiện đại hoá của đất nước; Đồng thời phát triển và

chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng tạo cơ sở cho sự phát triển các lĩnh vực xã hội như giáo dục y tế, văn hoá... cải thiện đáng kể đời sống người dân trên địa bàn

1.1.2.2 Đặc điểm xã hội

Huyện Duy Tiên nằm ở phía bắc của tỉnh Hà Nam, là huyện được hình thành khá sớm. Ngay từ thời kỳ Hùng Vương dựng nước người Lạc Việt đã đến lập nghiệp ở vùng đất này. Trong các di chỉ khảo cổ học đã được khai quật như: khu mộ cổ Yên Từ (xã Mộc Bắc); khu mộ cổ Đọi Nhất (xã Đọi Sơn); cánh đồng Quan Nha (xã Yên Bắc) đã tìm thấy nhiều hiện vật như: giáo đồng, thố đồng, mai sắt, trống đồng (ở Văn Xá, Vũ Xá, Lũng Xuyên) và một số công cụ sản xuất như nhíp gặt...

Tổ chức làng cổ ở Duy Tiên với nhiều bản hương ước có giá trị trong việc duy trì làng, xã, thôn như: Văn Xá, Nguyễn Xá, Ngô Xá, Lương Xá, Lê Xá... là biểu hiện điểm tụ cư dân đầu tiên do ông tổ cùng họ đến lập làng, chạ. Sau khi các dòng họ đã phát triển đông thì chia ra từng giáp như: Giáp Nhất, Giáp Nhì, Giáp Ba...

Từ xa xưa, mảnh đất này đã có tên gọi là “Phù Vân”, sau đó được đổi là Duy Tân. Đến thời vua Lê Kính Tông (1600 - 1619) Duy Tân lại được đổi là Duy Tiên. Tên huyện Duy Tiên bây giờ có từ thời đó.

Trước năm 1890 huyện Duy Tiên thuộc phủ Thường Tín, sau đó lại thuộc phủ Lý Nhân, trấn Sơn Nam Thượng. Huyện có 6 tổng: Bạch Sam, Hoàng Đạo, Hồng Khê, Nguyễn Xá, Đọi Sơn, Lam Cầu và 60 xã, thôn, phường, trang.

Ngày 20/10/1890 chính quyền Pháp cắt một phần đất của tỉnh Hà Nội và Nam Định để thành lập tỉnh Hà Nam, cắt hai tổng Mộc Phạm và tổng Chuyên Nghiệp của huyện Phú Xuyên, phủ Thường Tín và tổng Trác Bút huyện Nam Xang, phủ Lý Nhân nhập vào huyện Duy Tiên.

Từ năm 1901, để thiết lập bộ máy cai trị của huyện và xã, chính quyền Pháp đã tiến hành chia Duy Tiên ra làm 9 tổng, 88 xã, 160 làng; huyện lỵ đóng tại thôn Lão Cầu (tổng Lam Cầu). Hiện nay, Duy Tiên có 21 xã thị trấn, Hoà Mạc là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của toàn huyện. Huyện Duy Tiên nằm ở phía Đông sông Đáy, phía Tây sông Hồng, Phía Bắc sông Nhuệ, phía Nam sông Châu.

Duy Tiên phía Bắc giáp huyện Phú Xuyên, Hà Nội, phía Nam và Đông Nam giáp với huyện Bình Lục, Thanh Liêm và Lý Nhân, Phía Đông giáp thị xã Hưng Yên tỉnh Hưng Yên, phía Tây giáp với huyện Kim Bảng. Với địa thế 4 mặt là sông nước, lại có mạng lưới giao thông đường bộ thuận tiện, đã tạo điều kiện phục vụ đắc lực cho việc phát triển kinh tế, xây dựng quốc phòng trong huyện.

Duy Tiên có diện tích tự nhiên là 142 km², trừ 2 khu vực núi Điep và núi Đọi, địa hình trong huyện không bằng phẳng. Toàn huyện có 29.900 mẫu ruộng canh tác, chủ yếu là đồng chiêm trũng, hàng năm chỉ cấy được 1 vụ, năng suất rất thấp chỉ đạt khoảng 1.300kg/ha/năm. Ngoài cây lúa, người dân còn trồng thêm một số cây khác như: khoai lang, ngô, đỗ, lạc, mía, đay...

Một số xã ở gần sông Hồng như Mộc Hoàn Bắc, Mộc Hoàn Nam, Chuyên Nghiệp Nội, Chuyên Nghiệp Ngoại đã phát triển nghề vớt cá bột, đánh cá và thả cá, trồng dâu nuôi tằm, chăn nuôi gà vịt...

Ngoài sản xuất nông nghiệp, nhân dân trong huyện còn phát triển nhiều nghề thủ công như: đan thúng, dẹt và nhiều mặt hàng thủ công tinh xảo khác như trong sách Hoàng Lê Nhất thống chí đã từng chép: Lụa Nha Xá, hàng song mây Ngọc Động, thợ mộc sành nghề đều có cả.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, người dân Duy Tiên từ bao đời nay đã phải chống chọi với thiên tai: hết bão lụt lại hạn hán. Để chiến thắng họ phải đoàn kết với nhau, lao động cần cù sáng tạo. Chính vì vậy đã

hun đúc nên tình yêu quê hương, ý chí kiên cường và lòng dũng cảm của nhân dân nơi đây. Đúc tính đó càng được nhân lên gấp bội mỗi khi có giặc ngoại xâm tràn vào đất nước, xâm chiếm quê hương. Nhân dân Duy Tiên đã từng đứng lên chiến đấu oanh liệt, bảo vệ từng tấc đất cha ông mà sử sách từ xa xưa đến nay vẫn lưu truyền, ca ngợi như những thần tích ở đình làng Tường Thụy (xã Trác Văn), đình đá thôn An Mông (xã Tiên Phong)...

Hiếu học cũng là truyền thống quý báu của người dân Duy Tiên. Tính siêng năng, hiếu học sẵn sàng vượt qua khó khăn, thiếu thốn để nâng cao trí lực, góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh với những tấm gương học rộng, tài cao đỗ đạt trong các triều đình phong kiến như: Tiến sỹ Nguyễn Công Thành người làng Dưỡng Hoà (nay là thôn An Mông, xã Tiên Phong), tiến sỹ Trương Minh Lượng người làng Nguyễn Xá (nay là thôn Nguyễn Xá, xã Tiên Nội),...được nêu cao.

Trải qua nhiều thế kỷ phát triển kinh tế - văn hoá và xã hội, đến những năm cuối thế kỷ XX, dân số trong huyện đã đông tới 120.000 người, bình quân gần 1000 người/km². Người dân sống trong huyện đều là dân tộc Kinh, tôn giáo chủ yếu là đạo Phật và một số ít theo đạo Thiên chúa.

Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, chúng câu kết chặt chẽ với giai cấp địa chủ phong kiến để áp bức, bóc lột nhân dân lao động. Vì vậy cuộc sống của nhân dân ở các thôn xóm ngày càng bị bần cùng hoá, sự mâu thuẫn xã hội ngày càng lên cao. Nhân dân lao động trước hết là nông dân quanh năm lao động vất vả, lam lũ cơ hàn mà vẫn không đủ ăn, cảnh túng bần, nợ nần, buộc chặt lấy cuộc đời của người nông dân.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp, mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ ngày càng sâu sắc. Ngay từ khi thực dân Pháp mới đặt nền thống trị trên đất Hà Nam, nhân dân Duy Tiên đã hăng hái theo lời kêu gọi của các sĩ phu yêu nước, vùng dậy đấu tranh

chống ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và bọn quan lại phong kiến, tay sai. Nhiều người đã tham gia phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào chống Pháp do Đề Yêm khởi xướng.

Những cuộc đấu tranh lúc đó tuy có đạt được một vài thắng lợi nhưng còn rất hạn chế, vì những người nông dân bị áp bức bóc lột quá nặng, họ tự phát vùng dậy đấu tranh ở một vài nơi, chống lại địa chủ cường hào, chưa có một tổ chức do giai cấp tiên phong lãnh đạo.

Vùng đất Duy Tiên có một nền văn học nghệ thuật độc đáo, có thể bắt gặp ở đây đủ loại hình múa hát dân gian, nhiều trò diễn dân gian và hằng năm có rất nhiều lễ hội được tổ chức như: Lễ hội Tịch Điền (Đội Sơn), lễ hội Đền Lảnh Giang (Mộc Nam)... Những phong tục thuần hậu đó đã tồn tại và gắn liền với con người nơi đây qua bao thế hệ.

Cùng với nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc thì nơi đây còn là một vùng đất văn vật nhiều nhân tài. Duy Tiên tự hào khi có đồng chí Nguyễn Hữu Tiến - nhà cách mạng ưu tú - người vẽ lá cờ Tổ Quốc. Nhiều người là con em của nhân dân huyện Duy Tiên có những đóng góp trên các lĩnh vực khoa học-kỹ thuật, văn học, nghệ thuật, kinh tế, quốc phòng, an ninh... Hàng trăm tiến sĩ, thạc sĩ, hàng ngàn cử nhân đã tốt nghiệp và đang công tác. Theo thống kê chưa đầy đủ, đến năm 2015 toàn huyện có 12 sĩ quan cấp tướng, gần 20 Giáo sư, Phó Giáo sư, gần 100 Tiến sỹ, trên 300 Thạc sỹ, khoảng trên 4.000 cử nhân và hàng ngàn sinh viên đang theo học đại học, cao học.

Núi Đọi đã tạo nên nét chấm phá nên thơ cho vùng đất Hà Nam. Những danh lam thắng cảnh gắn liền với di tích lịch sử đã tạo nên những điểm nhấn nổi bật cho vùng đất Duy Tiên. Di tích lịch sử danh thắng sông Châu núi Đọi là nơi tổ chức Lễ hội Tịch điền (vua đi cày) từ thời vua Lê Đại Hành. Có tháp, bia Sùng Thiện Diên Linh được vua Nhân Tông triều Lý dựng năm Thiên Phù Duệ Vũ thứ 2- 1121 là di tích lịch sử rất có giá trị. Đền Lảnh Giang thờ 3 vị

tướng thời Hùng Duệ Vương. Căn cứ vào cuốn thần tích “Hùng triều nhất vị thủy thần xuất thế sự tích” (Sự tích ra đời của một vị thủy thần triều vua Hùng) cùng sắc phong câu đối, truyền thuyết của địa phương thì ba vị tướng này đều là con của Bát Hải Long Vương và nàng Quý. Khi giặc phương bắc kéo tới bao vây bờ cõi đánh chiếm nước ta, định cướp ngôi báu của Hùng Duệ Vương thì ba ông đã giúp vua Hùng đánh tan giặc giữ yên bờ cõi. Cùng với việc thờ ba vị tướng thời Hùng, đền Lảnh Giang còn thờ Tiên Dung công chúa con gái vua Hùng và thờ Chử Đồng Tử một trong bốn vị thần bất tử của dân tộc. Câu chuyện tình của hai người là một “Thiên tình sử” đẹp, được dân gian phủ lên chất huyền thoại lung linh... Duy Tiên còn có di tích lịch sử cách mạng đình Lũng Xuyên, đình Động Linh,...

1.2 Tình hình kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên trước năm 1996

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960) miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, đồng thời tiếp tục hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất. Quá trình thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa là quá trình tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng văn hóa tư tưởng, cách mạng khoa học kỹ thuật. Trong đó, cách mạng khoa học kỹ thuật đóng vai trò then chốt. Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước, tính đến năm 1975 nhân dân Duy Tiên đã có những đóng góp to lớn về sức người, sức của vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Phấn khởi trước những thắng lợi của dân tộc, thực hiện các chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh, Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên đã hăng hái bắt tay vào công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế, xã hội.

1.2.1 Tình hình kinh tế:

Năm 1981, 1982 là những năm đầu thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ 3 (1981-1985), đồng thời cũng là những năm Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100- CT/TW, về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Sau đó ngày 21/1/1981, Tỉnh uỷ có Nghị quyết số 12 về công tác khoán. Đảng bộ đã giao cho Ban nông nghiệp tập huấn cho cán bộ cơ sở thực hiện khoán ngay trong vụ sản xuất chiêm xuân năm 1981, đã có 21/21 hợp tác xã đạt 100% sản xuất nông nghiệp và hơn 90% đội sản xuất cơ bản đã chuyển từ hình thức khoán việc sang hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Tiếp nhận khoán sản phẩm, xã viên rất phấn khởi hăng hái thi đua lao động, sản xuất trên phần diện tích được giao. Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện có nhiều khởi sắc. Nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước về lương thực đảm bảo 2.700 tấn, vượt 3% so với mức tỉnh giao, 70% số gia đình có nhà ngói. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã được trang bị động cơ nhỏ các loại, máy bơm nước, máy đập vỏ lúa, máy xay xát đã có tác dụng giải phóng lao động nặng nhọc, góp phần tăng năng suất lao động phục vụ sản xuất có hiệu quả với mức độ khác nhau.

Trong 5 năm (1981-1985), Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên thực hiện nhiệm vụ chính trị trong tình hình có nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra. Qua khó khăn thử thách, Đảng bộ và nhân dân đã vững bước đi lên, tạo ra những chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Trong nông nghiệp, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần V của Đảng, coi “Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu - lương thực là mũi nhọn”, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã dồn sức tập trung thâm canh cây lúa, nhờ vậy mà huyện đã vượt qua khó khăn đạt đỉnh cao về sản lượng, năng suất cây trồng,

vật nuôi. “Diện tích gieo trồng bình quân 3 năm 1983, 1984, 1985 đạt 10.702 ha tăng 5% so với 3 năm trước. Tổng sản lượng lương thực bình quân 3 năm 1983, 1984, 1985 đạt 40.096 tấn tăng 8%. Lương thực bình quân đầu người đạt 365 kg ,tăng 2,2% so với 3 năm trước. Năng suất bình quân đạt 55,16 tạ/ha tăng 8,86 tạ/ha. Vụ lúa chiêm xuân năm 1983 đạt 44,05 tạ/ha là vụ lúa có năng suất cao nhất so với trước đó. 100% hợp tác xã đạt từ 5 tấn/ha trở lên. Hợp tác xã Châu Giang và Mộc Nam là hội viên câu lạc bộ 10 tấn của cả nước. Tiên Nội, Yên Bắc là những hợp tác xã dẫn đầu về thâm canh lúa đạt năng suất cao. Sản xuất cây màu năm 1985, có bước chuyển biến mạnh, đạt 8000 tấn, là năm có sản lượng màu cao nhất so với trước đó” [3,tr 331,332].

Do việc bố trí cơ cấu thích hợp nên sản xuất cây công nghiệp có bước tiến bộ mới, đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao hơn, tạo ra được những sản phẩm mới. Diện tích cây công nghiệp tăng nhanh, năm 1984 có 853 ha, năm 1985 tăng lên 1233 ha. Phong trào trồng cây phát triển khá, hàng năm bình quân trồng 600.000 cây. Những cây xuất khẩu như cây đay, cây sen, cây tỏi... được chú ý chỉ đạo, tăng nhanh về diện tích và sản lượng. Các nông sản khác như: long nhãn, hạt sen, cây dược liệu, cây ớt cũng được khai thác làm hàng xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu ngày càng tăng, năm 1980 đạt 3,7 triệu đồng, năm 1983 tăng lên 13 triệu (theo giá cố định năm 1983).

Ngành chăn nuôi nhìn chung giữ vững và phát triển theo chiều sâu đi vào thâm canh con vật nuôi đặc biệt là lợn, đàn lợn lai kinh tế tăng 25%. Bình quân 3 năm 1983, 1984, 1985 so với bình quân 3 năm trước: Tổng đàn lợn đạt 28.914 con, trọng lượng xuất chuồng bình quân trên 60kg/con, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1497 tấn, tăng 56%; đàn trâu bò có 5.473 con, tăng 15%; chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh, ngan, ngỗng tăng 60%; gà tăng 30%; vịt tăng 45%. Nghề nuôi cá vẫn được giữ vững. Chăn nuôi gà công nghiệp bắt đầu phát triển, mở ra hướng đi mới cho ngành chăn nuôi của huyện.” [3,tr 333].

Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường khá nhanh kể cả giá trị, quy mô và tốc độ. Các công trình thủy lợi đầu mối được chú trọng cải tạo, sửa chữa và xây dựng thêm. Đến năm 1985, Duy Tiên đã xây dựng thêm 12 trạm bơm điện. Trang bị thêm máy cày bừa và các phương tiện vận tải cơ giới.

Ngành tiểu thủ công nghiệp Duy Tiên tổ chức theo nhiều hình thức hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, xí nghiệp quốc doanh và lao động gia đình tập thể. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp tập trung vào các ngành nghề: dệt thảm đay, dệt bao tải, dệt vải, kéo xơ len, làm gạch ngói, ươm tơ tằm, làm đường... Các xí nghiệp quốc doanh như xí nghiệp gạch ngói, xí nghiệp 27/7 thương binh, đội công trình xây dựng đóng trên địa bàn huyện cũng tham gia tích cực vào thực hiện kế hoạch sản xuất theo chỉ đạo của huyện.

Các hợp tác xã cũng coi trọng đào tạo tay nghề kỹ thuật cho cán bộ xã viên, một số cơ sở đã mạnh dạn mở rộng sản xuất, đổi mới công tác quản lý... tăng tích lũy để tái sản xuất mở rộng và cải thiện một bước đời sống cán bộ, công nhân viên. Một số hợp tác xã chú trọng củng cố những ngành nghề đã mua sắm thêm công cụ lao động, đầu tư vốn mở rộng và phát triển ngành mới làm tăng năng lực đầu tư vốn mở rộng và phát triển ngành mới làm tăng năng lực sản xuất.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, đất nước ta đã giành được những thắng lợi quan trọng trong sản xuất nông nghiệp. Nền kinh tế có một số chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân có bước cải thiện, mở ra triển vọng mới cho sự phát triển kinh tế, xã hội trên con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, trong điều kiện nước ta từ một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp là chủ yếu, lại duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, sức lao động không được phát huy, nền kinh tế quốc dân không có dự trữ. Bước sang năm 1986, tình hình kinh tế xã hội của cả

nước lâm vào tình trạng khủng hoảng nghiêm trọng. Lạm phát phi mã ở mức ba con số (khoảng 774%), giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân lao động, công nhân viên chức, lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn.

Trong khi đó, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, nhiều nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa bị khủng hoảng về kinh tế có nguy cơ ảnh hưởng đến chính trị. Các thế lực thù địch tiếp tục dùng các biện pháp bao vây, cấm vận để chống phá Đảng và Nhà nước ta.

Ngay từ trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ngày 7/9/1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVI được tổ chức. Đại hội nêu cao tinh thần trách nhiệm, tập trung trí tuệ, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ Đại hội XV và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 1986-1988.

Trước những khó khăn của đất nước và nắm bắt xu thế phát triển của nhân loại, từ ngày 5 đến ngày 18/12/1986, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam được tổ chức. Đại hội đã tập trung đánh giá thực trạng tình hình đất nước với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Với tinh thần đó, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới, trước hết là đổi mới nhận thức về con đường đi lên xã hội chủ nghĩa ở nước ta, trọng tâm là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển từ kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Đại hội cũng chủ trương: “Đảng phải đổi mới nhiều mặt, đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác”.

Đại hội đã thẳng thắn chỉ rõ những khuyết điểm, hạn chế trên 6 mặt thuộc các lĩnh vực: Tiềm năng lao động đất đai, ngành nghề, sự mất cân đối trong sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, công tác quản lý thị trường còn buông lỏng, tình trạng mê tín dị đoan còn diễn biến phức tạp, bảo

vệ trị an còn nhiều hạn chế, công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới.

Trên cơ sở những quyết định quan trọng được Đại hội VI của Đảng thông qua cuối năm 1988, thực hiện Chỉ thị 37- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương và kế hoạch của Ban thường vụ tỉnh uỷ Hà Nam Ninh về hướng dẫn tổ chức Đại hội II cấp huyện và cơ sở. Ngày 20/12/1988, Đảng bộ huyện Duy Tiên đã tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XVII đã đưa ra những chủ trương mới nhằm phát triển kinh tế, xã hội trên tinh thần đổi mới trong các năm tiếp theo.

Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI cùng các Nghị quyết 2, 3, 4 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, các chỉ thị, Nghị quyết của Bộ Chính trị và Ban Bí thư Trung ương Đảng. Những nghị quyết này là cơ sở cho quá trình thực hiện đổi mới của Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên, do đó đã khơi dậy tính chủ động trong sản xuất của quần chúng lao động. Song quá trình thực hiện sản xuất và quản lý xã hội còn gặp những khó khăn lớn: Vật tư nguyên nhiên liệu, tiền vốn cho sản xuất kinh doanh trong tình trạng thiếu nghiêm trọng và kéo dài, giá cả thị trường không ổn định, thiếu lương thực cho nhu cầu đời sống nhất là khu vực cán bộ công nhân viên chức và cán bộ hưu trí...

Dù vậy kết quả bước đầu của 5 năm đầu thực hiện đổi mới (1986-1991) đã có những tín hiệu vui, đó là tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của Duy Tiên có những bước phát triển mới, tương đối toàn diện, đồng đều và có xu hướng vững chắc. Thể hiện rõ nhất trong thực hiện các mục tiêu của 3 chương trình kinh tế - xã hội lớn của Đảng.

Chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm: Lãnh đạo huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển đúng hướng với mục tiêu đẩy mạnh trồng cây lương thực, cả lúa và màu để chủ động về lương thực cho nhu cầu của địa phương,

hoàn thành đóng góp nghĩa vụ cho Nhà nước. Huyện uỷ và Uỷ ban Nhân dân huyện Duy Tiên đã chỉ đạo, tập trung thâm canh cao cho cây lúa hai vụ chiêm và mùa, chủ động phòng chống úng, hạn kiên quyết đưa nhanh giống lúa mới có năng suất cao chống chịu sâu bệnh vào sản xuất đại trà từ 6% năm 1986 lên 53% vụ chiêm xuân năm 1987 và 72% vụ chiêm xuân năm 1988.

Cây màu lương thực được thực hiện đúng hướng, có tốc độ phát triển nhanh và vững chắc. Đặc biệt cây màu vụ đông phát triển nhanh với chất lượng cao. Năm 1986, toàn huyện trồng 508 ha ngô đông có 158 ha trồng trên đất 2 vụ lúa. Năm 1988 trồng 1.588 ha có 1.048 ha trên đất 2 vụ lúa, tăng gấp 6 lần vụ đông năm 1986. Tổng sản lượng lương thực cả màu quy ra thóc năm 1987 đạt 42.745 tấn. năm 1988 tăng 48.755 tấn. Sản lượng lương thực bình quân đầu người 430 kg/người tăng 70 kg so với bình quân 2 năm 1985-1986.

Được giao quyền tự chủ về ruộng đất, người lao động lấy hiệu quả là mục đích của sản xuất. Các hộ gia đình xã viên đã huy động các nguồn vốn mua sắm công cụ lao động, trâu bò làm sức kéo, máy tuốt lúa, bình phun thuốc trừ sâu, đầu tư cho sản xuất nhằm nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích. Các quy trình kỹ thuật thâm canh sản xuất được thực hiện tốt hơn. Năng suất lúa bình quân 2 năm 1989-1990 đạt 76,7 tạ/ha, năm 1990 đạt 77,98 tạ/ha, là năm có năng suất lúa cao nhất so với những năm trước đó, tăng 20,94% so với bình quân 2 năm trước. Tổng sản lượng lương thực quy ra thóc bình quân mỗi năm đạt 54.905 tấn, tăng 19,76% so với hai năm trước và tăng 4,82% so với chỉ tiêu Đại hội. Sản lượng lương thực bình quân đầu người đạt 446 kg/người/năm, tăng 6,3% so với bình quân hai năm trước. Đặc biệt cây ngô đông mỗi năm bình quân trồng 1.273 ha tăng 45,35%.

Thấy rõ những hạn chế của chỉ thị 100 trong sản xuất nông nghiệp, tháng 4 năm 1988, Bộ chính trị Trung ương Đảng ra Nghị Quyết số 10-NQ/BTC đổi mới

cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm thực sự giải phóng sức sản xuất tạo nên sự phấn khởi cho nhân dân cả nước, trong đó có nhân dân huyện Duy Tiên.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã thực sự đi vào cuộc sống, thực tiễn cho thấy sức sản xuất gồm ruộng đất, lao động và các tư liệu sản xuất khác được giải phóng. Nông dân phấn khởi gắn bó với đồng ruộng, hăng say lao động, tình trạng khô đọng sản phẩm giảm hẳn. Kết quả bước đầu của khoán 10, đã làm cho sản xuất nông nghiệp của huyện có nhiều khởi sắc, đời sống người nông dân được cải thiện.

Lúc này, trong chăn nuôi lãnh đạo huyện tập trung chỉ đạo tăng nhanh đàn trâu bò bằng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cho sinh sản tại chỗ, chủ động sức kéo phục vụ sản xuất. Đến năm 1988, đàn trâu tăng 10,21% trong đó cày kéo tăng 24%, đàn bò tăng 4,89% so với năm 1986. Đàn lợn trong 2 năm 1987-1988 không đạt chỉ tiêu đầu con nhưng do tăng tỷ lệ đàn lợn lai kinh tế, tập trung thâm canh tăng trọng nên bình quân trọng lượng xuất chuồng đạt 69 kg/con. Tổng sản lượng hơi xuất chuồng năm 1988 là 2.491 tấn, bình quân đầu người đạt 22,3 kg/năm, tăng 19,86% so với 2 năm 1985-1986.

Chăn nuôi gà công nghiệp được phát triển ở xí nghiệp chăn nuôi của huyện và 3 hợp tác xã nông nghiệp, năm 1990 phát triển mạnh ở cả gia đình xã viên. Năm 1987, nuôi 36.605 con, năm 1998, tăng lên 38.000 con, gồm gà giống và gà thịt, sản lượng gà thịt xuất chuồng mỗi năm đạt 50 tấn.

Những kết quả sản xuất lương thực thực phẩm trong 5 năm 1986-1990 bước đầu tạo điều kiện tăng thu nhập cho nông dân, đời sống nhân dân nói chung được cải thiện, có mặt được nâng lên rõ rệt, số hộ nông dân có khả năng dự trữ tăng nhanh và có một phần lương thực làm hàng hoá. Đó là những kết quả cao nhất so với trước đó và bước đầu biểu hiện tính vững chắc trong quá trình đi lên, nó có ý nghĩa quan trọng trên con đường thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng.

Thực hiện chương trình sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, lãnh đạo huyện đã tập trung chỉ đạo với quyết tâm cao duy trì và giữ vững sản xuất, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng bằng các nguồn nguyên liệu địa phương như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm nông sản, mở rộng mặt hàng mới như: máy tuốt lúa đập chân, sành sứ, vải giả da và mở rộng làm hàng thủ công xuất khẩu như mây tre đan, màn khuyên, dệt khăn tắm, dệt lụa tơ tằm, dệt bao tải. Hợp tác xã dệt Nha Xá vẫn được duy trì, nghề dệt lụa đang được mở rộng ra nhiều xã trong huyện. Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện 2 năm 1989-1990 là một trong ba đơn vị có phong trào sản xuất và kết quả đạt khá của tỉnh.

Từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII được tiến hành với chủ đề “Trí tuệ, đổi mới, dân chủ, kỷ cương, đoàn kết”. Đại hội đã thông qua bốn văn kiện quan trọng có ý nghĩa đặt cơ sở và quyết định những bước đi tiếp theo cho sự phát triển của đất nước.

Trong khí thế phấn khởi chào mừng thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, từ ngày 15-17/10/1991 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII (vòng 2) được tiến hành. Đại hội đã đề ra những chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong 5 năm 1991-1995: Năng suất lúa bình quân đạt 78 tạ/ha/năm. Lương thực bình quân đầu người đạt 450 kg/năm. Sản lượng lợn hơi xuất chuồng đạt 2200 tấn/năm.

Ngành nông nghiệp bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ huyện đề ra trong điều kiện gặp nhiều khó khăn. Vụ chiêm xuân 1991, bệnh đạo ôn hoành hành trên diện rộng, sản xuất lúa bị thiệt hại nặng. Để đảm bảo ổn định đời sống, các cấp uỷ Đảng, chính quyền đã vận động nhân dân tích cực tận dụng đất đai trồng rau màu và đẩy mạnh sản xuất vụ mùa để “bù lại vụ chiêm”. Kết quả, tổng diện tích gieo cấy vụ đông năm 1993 là 8.504,9 ha và dần trở thành vụ chính đã tạo ra sản phẩm chiếm 16,33% tổng sản lượng

lượng thực quy thóc. Tỷ lệ diện tích gieo trồng cây vụ đông so với tổng diện tích canh tác không ngừng tăng từ 25% năm 1992 lên 37% năm 1994. Nhiều giống cây mới có giá trị hàng hóa được đưa vào gieo trồng như: bí xanh, đậu tương. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt 58.407,3 tấn/năm. Riêng năm 1993 năng suất lúa cả năm đạt cao 92,98 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy ra thóc đạt 71.911,3 tấn, lương thực bình quân đầu người là 535 kg (Báo cáo tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khóa XVIII của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên).

Thực hiện Quyết định 115/QĐ ngày 15/2/1992, của Ủy ban nhân dân tỉnh về đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, các xã trong huyện đã tiến hành giao ruộng ổn định lâu dài cho xã viên. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, do nhận thức của Ban quản trị hợp tác xã, cán bộ sản xuất và người nông dân chưa được đầy đủ, ảnh hưởng của tư tưởng chia ruộng phải đồng đều “có khó, có dễ, có xa, có gần” nên sau khi thực hiện ở hầu hết các hợp tác xã tình trạng ruộng đất manh mún, chưa liền vùng, liền khoảnh còn tương đối phổ biến.

Ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của địa phương bước sang năm 1991 trong bối cảnh những khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ vẫn chưa được khắc phục hiệu quả. Các xí nghiệp quốc doanh của huyện rơi vào tình trạng thiếu vốn huy động, trong khi giá cả thị trường biến động liên tục, cơ chế chính sách chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập. Tính đến tháng 12/1993, trên địa bàn huyện đã giải thể 3 đơn vị: Liên hợp tác xã mua bán huyện, công ty Xây dựng, trại cá giống Đồng Văn. Khu vực kinh tế quốc doanh từng bước được khôi phục, năm 1994, tổng giá trị sản xuất đạt 13.299 triệu đồng tăng 2.515 triệu đồng so với năm 1991 (Kế hoạch số 265-KH/UB của Ủy ban nhân dân huyện Duy Tiên và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII). Tuy nhiên hầu hết các doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn do thiếu vốn,

thiết bị lạc hậu, trình độ quản lý của cán bộ lãnh đạo chưa theo kịp với kinh tế thị trường.

Tuy đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận nhưng kinh tế của huyện chủ yếu vẫn là thuần nông, sản xuất nhỏ, ngành nghề chậm phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, bình quân 5 năm (1991-1995) tăng 6,4%/năm. Cơ cấu kinh tế còn mất cân đối, tốc độ chuyển dịch chậm. Tính đến năm 1995, nông nghiệp chiếm 61,23%, tăng 0,04%; công nghiệp, xây dựng chiếm tỷ trọng nhỏ chỉ đạt 13,62%, tăng 1,33%; dịch vụ chiếm 25,15%, giảm 1,77% so với năm 1991. Xuất khẩu hàng hoá còn mang tính bột phát, chưa tổ chức thành ngành hàng lớn. Thương mại chưa phát triển, chưa khai thác được lợi thế gần thị trường thủ đô Hà Nội và thị xã Hà Nam. Công tác quản lý thị trường nông thôn còn bỏ ngỏ nên dễ xảy ra hiện tượng tự do ép cấp, ép giá hàng nông sản của nông dân...

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, tháng 4/1994, Ban chấp hành Đảng bộ huyện đã tổ chức Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ nhằm đề ra nhiệm vụ và biện pháp để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII.

1.2.2 Tình hình xã hội

Quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Hà Nam, lãnh đạo huyện Duy Tiên đã có nhiều chủ trương, biện pháp phát triển văn hóa giáo dục nhằm nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân trong huyện. Ngành giáo dục tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng đúng mức giáo dục chính trị, đạo đức, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục quốc phòng kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất. Ngành y tế có nhiều cố gắng trong việc chăm lo bảo vệ sức khoẻ của cán bộ, công nhân viên và nhân dân. Mạng lưới y tế xã

được kiện toàn, trạm khám đa khoa được xây dựng, chất lượng điều trị của ngành được nâng lên.

Trong khoảng thời gian từ 1986 đến năm 1991: Công tác giáo dục, công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của nhân dân luôn được lãnh đạo huyện quan tâm, cơ sở vật chất của các trường học, bệnh viện, các phòng khám đa khoa và các trạm y tế xã, thị trấn được củng cố và tăng cường.

Hệ thống giáo dục được củng cố, tiếp tục thực hiện chương trình cải cách giáo dục. Tỷ lệ tốt nghiệp lên lớp thẳng bình quân hàng năm là 90%. Sự nghiệp y tế được tăng cường ở tuyến huyện và các phòng khám đa khoa khu vực. Xây dựng phong cách và giữ vững kỷ cương theo truyền thống y học Việt Nam “lượng y như tử mẫu” với mục tiêu tất cả vì người bệnh, vì sức khỏe của nhân dân. Từ đó chất lượng khám chữa bệnh ngày càng tăng lên.

Công tác thương binh xã hội sau khi nhận phân cấp của tỉnh, nhìn chung có nhiều cố gắng, nắm chắc đối tượng, thực hiện chính sách đúng đối tượng và tương đối kịp thời. Thường xuyên chú trọng chăm lo các đối tượng gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sỹ. Tuyển chọn lao động cho nhu cầu xã hội và lao động hợp tác ở nước ngoài đúng chính sách và đối tượng quy định.

Công tác quân sự địa phương có những chuyển biến mới trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Việc củng cố lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Hàng năm hoàn thành kế hoạch đăng ký khám tuyển và gọi thanh niên nhập ngũ theo luật nghĩa vụ quân sự.

Trong khoảng thời gian từ năm 1991 đến năm 1995: Cùng với việc phát triển kinh tế xã hội, sự nghiệp y tế giáo dục cũng được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nhân dân. Công tác chăm sóc sức khỏe được nâng cao chất lượng, các

bệnh xã hội được quản lý theo quy định không để lây lan. Nhân dân ốm đau khi đến trạm xá, bệnh viện được điều trị kịp thời. Con em đến tuổi đi học được cấp sách đến trường, có đủ phòng học, bàn ghế để cho các em học tập.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII), với vị trí là quốc sách hàng đầu, sự nghiệp giáo dục đào tạo của huyện đã có nhiều đổi mới. Trên cơ sở nâng cao nhận thức, các cấp uỷ Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Thực hiện đề án sắp xếp lại các trường cấp I, cấp II, đến năm học 1992-1993, 100% các trường cấp I trong toàn huyện đã tách ra khỏi trường cấp II thành: trường tiểu học và trường trung học cơ sở. Theo số liệu thống kê đến năm 1995, toàn huyện có 25 trường tiểu học, 19 trường trung học cơ sở. Đến năm 1995, cùng với việc duy trì kết quả phổ cập tiểu học, 7/22 xã, thị trấn huyện đã hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục. Tổng số học sinh cấp III của toàn huyện là 2.421 em. Tổng số giáo viên cấp I là 493, giáo viên cấp II là 368, cấp III là 99; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn của toàn huyện đạt 95%, trong đó 85% có trình độ cao đẳng trở lên [3, tr 406].

Việc dạy nghề trong các nhà trường phổ thông và phổ thông cơ sở được quan tâm với nhiều ngành nghề như: nghề nông, nghề điện, nghề may, nghề mộc. Đây được coi là một biện pháp góp phần trực tiếp đào tạo nhân lực cho sản xuất hàng hóa nhiều thành phần của địa phương.

Thực hiện phương châm đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học không ngừng được tăng cường. Từ năm 1991-1994, có 115 phòng học mới được xây mới, 142 phòng học được nâng cấp, 3.323 bộ bàn ghế được đóng mới và sửa chữa được 4.609 bộ. Do có sự hưởng ứng tích cực của các xã nên chương “Cao tầng hóa trường học” đã huy động được số vốn hơn 6 tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng kinh phí xây dựng cơ bản của huyện, trong đó có sự đóng góp to

lớn của nhân dân. Tính đến 6/1995, toàn huyện đã có 10 xã khởi công xây dựng trường trung học cơ sở cao tầng, chiếm 45,5% số xã [3, tr 407].

Công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em đã đi vào nề nếp, trở thành ý thức trách nhiệm của mọi thành viên trong xã hội. Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng cho bà mẹ mang thai và trẻ em từ 0-5 tuổi (PAM) được triển khai tại 6 xã đạt hiệu quả tốt. Năm 1995, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm 8% so với năm 1994. Các cháu từ 0-5 tuổi uống vitamin A đạt 100% số cháu trong độ tuổi. Sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục trẻ em được chặt chẽ hơn nên toàn huyện không có trẻ em vi phạm pháp luật. [3, tr 409]

Sự nghiệp văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao ngày càng phát triển. Hoạt động văn nghệ, thể thao trở thành nhu cầu trong đời sống tinh thần của nhân dân. Những xã có phong trào khá, tiêu biểu như: Châu Giang, Yên Bắc, Tiên Phong...

Quán triệt quan điểm chỉ đạo: phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, hàng năm Nghị quyết của Ban chấp hành đảng bộ huyện về công tác quân sự địa phương và an ninh trật tự đã được triển khai và thực hiện tốt từ huyện đến cơ sở. Trên cơ sở nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của huyện Thanh Liêm, năm 1992 phong trào: “thôn xóm bình yên, gia đình hạnh phúc” đã được tổ chức và triển khai trong toàn huyện với sự tham gia của các ban ngành, đoàn thể trong đó công an và mặt trận Tổ quốc giữ vai trò nòng cốt. Trong năm năm (1991-1995), công tác quân sự địa phương của huyện vẫn duy trì là đơn vị khá của tỉnh. Để thực hiện củng cố nền quốc phòng toàn dân, công tác xây dựng và huấn luyện vũ trang đang được thực hiện nghiêm túc. Năm 1992 tổng số dân quân tự vệ của huyện là 1.591 người, trong đó có 167 nữ, 165 đảng viên, 560 đoàn viên. Đến năm 1993, các đơn vị dân quân tự vệ

trong toàn huyện được xây dựng hoàn chỉnh theo yêu cầu nhiệm vụ thời bình và chiến đấu trong khu vực phòng thủ. Cụ thể lực lượng dân quân thời chiến chiếm 1,2% dân số, thời bình chiếm 5,8%, lực lượng tự vệ chiếm 10% tổng số cán bộ, công nhân viên. [3, tr 413]

Từ năm 1986-1995, với sự cố gắng của Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên, kinh tế - xã hội của huyện đã có nhiều chuyển biến. Tuy nhiên, Duy Tiên vẫn là một huyện nghèo, đời sống văn hóa tinh thần còn gặp nhiều khó khăn, trình độ văn hóa còn thấp. Sự nghiệp văn hóa – giáo dục – y tế chậm phát triển, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nghèo nàn, lạc hậu, các tệ nạn xã hội và các hủ tục mê tín dị đoan còn phổ biến.

Tiểu kết chương 1

Duy Tiên là một huyện đồng bằng có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế và xã hội. Đảng bộ và chính quyền các cấp trong huyện đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn tạo ra sự ổn định về kinh tế - xã hội của huyện.

Thực hiện công cuộc đổi mới, lãnh đạo và nhân dân huyện Duy Tiên đã vượt qua khó khăn, phức tạp, nỗ lực vươn lên đạt được những kết quả quan trọng. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và đời sống nhân dân được ổn định, phát triển ngày một cao hơn. Cơ cấu nông nghiệp chuyển dịch theo hướng cân đối giữa các ngành trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản, các tiên bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng trong sản xuất.

Tuy nhiên, do cơ sở hạ tầng còn nhiều yếu kém, sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền còn nhiều hạn chế nên kinh tế - xã hội của huyện còn chậm phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có của huyện. Nền nông nghiệp mang tính chất manh mún, công cụ sản xuất lạc hậu, năng suất thấp. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mang tính chất nhỏ lẻ, sản xuất cầm

chùng, chưa có thị trường xuất khẩu lớn. Số người trong độ tuổi lao động không có việc làm chiếm tỷ lệ cao. Giáo dục, y tế còn nhiều bất cập trình độ dân trí còn thấp, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân còn nhiều hạn chế; đội ngũ lao động có tay nghề kỹ thuật còn thiếu.

Những thách thức trên đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Duy Tiên phải có chủ động, sáng tạo, đoàn kết, vận dụng linh hoạt đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, để nâng cao đời sống của nhân dân trong huyện, đưa Duy Tiên sớm trở thành vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Hà Nam.

Chương 2

CHUYỂN BIẾN KINH TẾ TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015

2.1 Huyện Duy Tiên trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2015

2.1.1 Đường lối chủ trương của huyện về phát triển kinh tế:

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng “có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu cột mốc phát triển mới trong tiến trình phát triển của cách mạng nước ta”. Xuất phát từ đặc điểm tình hình thế giới và trong nước, căn cứ vào Cương lĩnh của Đảng, Đại hội VIII quyết định cần tiếp tục nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng của chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đại hội xác định mục tiêu, đến năm 2020 ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp với:

Lực lượng sản xuất sẽ đạt trình độ tương đối hiện đại, phần lớn lao động thủ công đã được thay thế bằng lao động sử dụng máy móc, điện khí hóa cơ bản được thực hiện trong cả nước, năng suất lao động xã hội và hiệu quả sản xuất kinh doanh cao.

Về quan hệ sản xuất: Chế độ sở hữu, cơ chế quản lý và chế độ phân phối gắn kết với nhau, phát huy được các nguồn lực, tạo ra động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện công bằng xã hội.

- Về đời sống vật chất và văn hóa: Nhân dân có cuộc sống no đủ, có mức hưởng thụ văn hóa khá, có điều kiện về học hành, chữa bệnh. Quan hệ xã hội lành mạnh, lối sống văn minh.

Các mục tiêu nêu trên phải được thực hiện theo các định hướng phát triển các lĩnh vực chủ yếu.

- Phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nội dung cơ bản của công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong những

năm còn lại của thập kỷ 90 là: Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Mở rộng thương nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế đối ngoại. Hình thành dần một số ngành mũi nhọn như chế biến nông, lâm, thủy sản, khai thác và chế biến dầu khí, một số ngành cơ khí chế tạo, công nghiệp điện tử và công nghệ thông tin, du lịch. Phát triển mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

- Xác định các chính sách đối với các thành phần kinh tế, bao gồm: kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác mà nòng cốt là các hợp tác xã; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

- Thực hiện đường lối đổi mới Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XIX đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1996-2000: Tiếp tục tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh, chuyên canh để sản xuất ra nhiều nông sản hàng hoá. Phát triển nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi, cây màu, cây công nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tập trung vào công nghiệp chế biến nông sản để nâng giá trị của nông sản phẩm. Mở rộng ngành nghề, làng nghề, hệ thống dịch vụ để thu hút lao động và tăng thu nhập cho bà con nông dân. Tạo môi trường thuận lợi để cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo điều kiện để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện từ thuần nông sang nông - công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đầu tư, nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn như: điện, đường, trường, trạm, nước sạch, cụm văn hoá thể thao... để từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn

xã hội. Xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ngày càng vững mạnh” [3, tr 437,438].

2.2 Chuyển biến về kinh tế huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015

Cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, huyện Duy Tiên đã có những bước chuyển biến về kinh tế đáng kể. Trong giai đoạn 1996-2015, chuyển dịch kinh tế của huyện được thể hiện theo bảng 2.1

Bảng 2.1 Cơ cấu kinh tế huyện Duy Tiên từ 1996 đến năm 2015

STT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Giai đoạn			
			1996-2000	2001-2005	2006-2010	2011-2015
1	Tổng sản phẩm (GDP – giá 1995)	Tỷ đồng	346,68	562,12	927,91	784,3
2	Nông nghiệp – thủy sản	Tỷ đồng	197,61	220,30	217,31	189,0
3	Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	50,62	172,03	373,35	529,8
4	Dịch vụ	Tỷ đồng	98,47	169,79	337,25	65,5
5	Cơ cấu GDP (Giá thực tế)	%	100,	100,0	100,0	100,0
6	Nông nghiệp – thủy sản	%	38,60	39,90	26,40	7,65
7	Công nghiệp và xây dựng	%	28,60	27,20	40,25	58,75
8	Dịch vụ	%	32,80	32,90	33,35	33,60

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Duy Tiên 1996-2015, xuất bản năm 2016)

Qua bảng thống kê trên có thể nhận thấy, cùng với quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuyển biến kinh tế huyện Duy tiên đã có dự chuyển dịch theo xu hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và xây dựng và dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp - thủy sản. Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ giai đoạn 1996-2015 là 28,60% và 32,80%, tăng lên 58,75% và 33,60% giai đoạn 2011-2015; tương ứng tỷ trọng nông nghiệp thủy sản giai đoạn 1996-2000 là 38,60%, giảm xuống còn 7,65% giai đoạn 2011-2015.

Tổng sản phẩm (GDP) trong huyện tăng mạnh qua các giai đoạn, giai đoạn 1996-2000 đạt 346,68 tỷ đồng (giá cố định năm 1995), giai đoạn 2001-2005 là 562,12, giai đoạn 2006-2010 đạt 927,91 và đến giai đoạn 2011-2015 là 784,3 tỷ đồng. Giai đoạn 2001-2005 GDP bình quân đầu người đạt 4,77

triệu/người/năm (giá lúc đó) , giai đoạn 2006-2010 tăng lên 12,01 triệu/người/năm, giai đoạn 2011-2015 do tình hình kinh tế suy thoái giảm xuống 11,59 triệu đồng/người/năm.

2.2.1 Nông nghiệp:

Từ rất sớm, cha ông ta đã luôn coi trọng nền kinh tế nông nghiệp với tư tưởng “dĩ nông vi bản” phi nông bất ổn”. Ngày nay, kinh tế nông nghiệp vẫn còn có vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân. Huyện Duy Tiên chủ trương tiếp tục coi nông nghiệp là một trong những ngành kinh tế của huyện. Sự phát triển trên lĩnh vực nông nghiệp của huyện thể hiện trên cả hai mặt trồng trọt và chăn nuôi.

Trồng trọt:

Trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2015, nhờ đẩy mạnh việc sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, huyện Duy Tiên đã tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, mạnh dạn đưa các giống lúa mới chất lượng cao vào sản xuất, nhờ vậy mà ngành nông nghiệp trồng lúa của huyện đã có những chuyển biến rõ rệt cả về năng suất, sản lượng và giá trị canh tác trên một đơn vị diện tích.

Bảng 2.2: Năng suất và sản lượng lúa huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015

Năm	1996	2000	2005	2010	2015
Diện tích (ha)	4.033	14.335	12.573	12.293	9.860
Sản lượng (tấn)	67.362	86.393	85.496	79.904	66.062
Năng suất (Bình quân 1 vụ - Tạ/ha)	48	60	68	65	67

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Duy Tiên, Niên giám thống kê thời kỳ 1996-2000, 2000-2005, 2005-2010, 2010-2015, xuất bản năm 2016)

Nhìn vào bảng trên ta thấy sản lượng và năng suất lúa của huyện tăng nhanh qua các năm. Sản lượng từ năm 1996 đến năm 2005 tăng 18.134 tấn.

Năng xuất một vụ từ năm 1996 đến năm 2015 tăng 19 tạ/ha. Năm 1996 tình hình thời tiết diễn biến phức tạp ít thấy trong vòng 36 năm trước đó: “rét đậm, rét hại kéo dài làm chết 246 ha mạ và 1100 ha lúa. Việc bố trí cơ cấu giống lúa hợp lý và có nhiều giống lúa ngắn ngày có năng suất cao thích hợp với trà xuân muộn, gieo mạ bỏ bung, tận dụng diện tích và cấy được 6697 ha, đạt 99.36% kế hoạch, năng suất đạt 60,55 tạ/ha. Trong đó có hai xã đạt đỉnh về năng suất. Xã Tiên Hiệp đạt 67,3 tạ/ha, Châu Giang đạt 65,65 tạ/ha. Vụ mùa liên tiếp bị lũ lụt, áp thấp nhiệt đới và bão dồn dập từ tháng 7 đến tháng 11. Bão số 2 924/70 làm ngập trắng 3100 ha lúa, 90 ha mạ và 305 ha màu. Tháng 11, trận mưa lớn trên 400mm, làm ngập trắng 2300 ha lúa chưa gặt.[439,440]. Phát huy tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý thức tự vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, tuy vụ mùa và vụ đông bị thiệt hại lớn, nhưng năng suất lúa của cả năm vẫn đạt 96 tạ/ha. Sản lượng thóc đạt 67.362 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 553 kg/năm, tăng 4,7% so với năm 1995 [3, tr 441].

Thực hiện Chỉ thị 15 - CT/TU, cơ cấu mùa vụ sau khi dồn ruộng, đổi thửa đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất, thâm canh. Diện tích trà lúa xuân muộn tăng từ 90,5% năm 2001, lên 98,5% vào năm 2005 - trong tổng diện tích 12.573 ha, bằng 96% so với năm 2004 (do một phần diện tích được chuyển sang phục vụ phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp). Một số địa phương đã thực hiện gieo mạ nền cứng 100% trà xuân muộn. Các giống lúa có năng suất, chất lượng cao được chú trọng đổi mới và đưa vào sản xuất khảo nghiệm và đại trà ở nhiều hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. [3, tr 512]. Đến năm 2015, tuy diện tích trồng lúa giảm 4.475 ha so với năm 2005 nhưng nhờ vận dụng cấy lúa lai, lúa chất lượng cao nên năng suất kết hợp áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất bình quân 1 vụ vẫn đạt 134 tạ/ha. Tiếp tục giữ vững là đơn vị có năng suất lúa cao nhất tỉnh.

Duy Tiên đã tiến hành chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hóa các loại cây, tiếp tục phát triển sản xuất lương thực. Đồng thời tăng nhanh các loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau màu. Trên cơ sở đó các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương chỉ đạo bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên và thổ nhưỡng từng vùng.

Cùng với lúa thì cây rau màu, cây vụ đông của các xã tăng nhanh cả về diện tích, sản lượng và giá trị. Nhiều loại cây có giá trị kinh tế cao như: cây đậu tương, cây ngô, cây lạc... Bên cạnh đó các xã còn phát triển các loại cây ăn quả giá trị cao.

Duy Tiên cũng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất. Vụ đông đã trở thành vụ sản xuất chính, nhiều giống lúa mới năng suất cao và các loại rau màu có giá trị kinh tế được đưa vào sản xuất làm tăng sản lượng cây trồng. Bằng việc làm thiết thực của địa phương, thời kì (1996-2005) Duy Tiên đã chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp. Giống lúa lai Vân Quang 14 đạt năng suất 68 tạ/ha, diện tích lúa lai vụ đông xuân chiếm 37,8%, vụ mùa 17%, trong khi đó năm 2001 toàn huyện chỉ có 15,7%. Trong 5 năm, sản xuất nông nghiệp đã giành thắng lợi toàn diện, là huyện nhiều năm liền dẫn đầu về năng suất lúa của tỉnh. Năng suất lúa đạt bình quân 110,97 tạ/ha/năm. Sản xuất cây vụ đông cũng phát triển mạnh từng bước đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính, nhiều cây trồng mang tính chất sản phẩm hàng hóa như bí xanh, đậu tương, dưa chuột xuất khẩu, ngô bao tử. Năm 2002, Huyện ủy ra Chỉ thị 06-CT/HU về sản xuất cây vụ đông. Được chỉ đạo sát sao, cho nên cây đậu tương trên đất 2 vụ lúa phát triển khá mạnh ở một số xã, cho hiệu quả kinh tế cao. Tiêu biểu là 2 xã Mộc Bắc và Trác Văn, sau đó đã phát triển ra nhiều xã trong huyện. Riêng diện tích trồng cây đậu tương trên đất 2 vụ lúa năm 2004 của huyện đạt 1784,2 ha. Diện tích trồng cây vụ đông ngày càng được mở rộng. Năm 2001, toàn huyện có 2243

ha cây vụ đông. Đến năm 2005, tuy một số xã Hoàng Đông, Đồng Văn, Duy Minh, Bạch Thượng, Chuyên Ngoại nhiều diện tích đất thu hồi cho các dự án phát triển khu công nghiệp, đường giao thông nhưng toàn huyện vẫn đạt 2500ha cây vụ đông [3, tr 513]

Đến năm 2010 sản xuất vụ đông được duy trì và có bước phát triển. Diện tích trồng cây vụ đông 3.774,6 ha. Huyện Duy Tiên đã thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển cây trồng hàng hóa với tổng số 5 dự án. Trong đó có 3 dự án cây trồng lúa hàng hóa tập trung quy mô 120 ha/đơn vị tại xã Tiên Hiệp, Tiên Hải, Châu Giang; 1 dự án đậu tương giống hàng hóa vụ hè tại Châu Giang quy mô 16,6ha; 1 dự án đậu tương hàng hóa quy mô 200 ha tại xã Tiên Hiệp. Thực hiện cơ chế khuyến khích trồng cây vụ đông có giá trị kinh tế cao được 62 ha. Mô hình cây vụ đông có giá trị kinh tế cao trên 70 triệu đồng/ha/vụ như: bí xanh, cà chua, dưa chuột, cà rốt, ớt... được duy trì và mở rộng. (Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2010, Lưu Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện)

Năm 2015, diện tích cây màu là 3.611,9 ha, tập trung vào các loại cây như ngô, lạc, đậu tương, khoai lang, dưa chuột, bầu, bí và rau các loại. Các mô hình sản xuất trong nông nghiệp phát huy hiệu quả và được duy trì và nhân rộng như mô hình cà chua bi, dưa chuột xuất khẩu, cây ăn quả, rau hữu cơ an toàn. (Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2015, Lưu Văn phòng ủy ban nhân dân huyện)

Để phục vụ kịp thời sản xuất nông nghiệp, chống úng hạn, các tuyến đê sông Hồng, sông con được tu bổ, các tuyến kênh mương được nạo vét, khai thông dòng chảy, nhiều tuyến đã được kiên cố hóa đảm bảo phục vụ tốt hơn cho yêu cầu tưới, tiêu. Các tuyến đê nội đồng được tôn tạo, rải đá. Các cống đầu mối được tu bổ, các trạm bơm được sửa chữa, nâng cấp.

Chăn nuôi

Chăn nuôi là một ngành chính trong sản xuất nông nghiệp, nó vừa góp phần tăng thu nhập cho người nông dân, vừa cung cấp sức kéo, phân bón cho đồng ruộng đồng thời lại cung cấp nguồn thực phẩm cho con người. Trong những năm qua, chăn nuôi có những bước phát triển mới cả về quy mô, chất lượng và không ngừng phát triển. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn hình thành cơ cấu phù hợp với từng thôn, xóm, từng hộ gia đình, khuyến khích và đầu tư cho các hộ gia đình chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại. Nhiều hộ nông dân đầu tư chăn nuôi theo phương pháp kết hợp bán công nghiệp với công nghiệp; kết hợp các giống vật nuôi truyền thống với nuôi con đặc sản có giá trị kinh tế cao như tôm càng xanh, baba, rắn, lợn siêu lạc, bò thương phẩm, các giống gia cầm mới có sản lượng thịt, trứng cao...

Bảng 2.3: Đàn gia súc của huyện Duy Tiên giai đoạn 2005-2015

Loại gia súc	Đơn vị tính	1996	2000	2005	2010	2015
Lợn	Con	34975	43.000	44538	45816	39651
Bò	Con	3181	2812	4583	5147	5689

(Nguồn: Chi cục thống kê huyện Duy Tiên, Niên giám thống kê thời kỳ 1996- 2015, xuất bản năm 2016)

Nhìn vào bảng trên ta thấy số lượng gia súc của huyện có sự chuyển biến qua các năm. Năm 2000, đàn bò giảm 369 con so với năm 1996 do khâu làm đất đã cơ bản thực hiện được mục tiêu cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp. Năm 2001, đã có một số mô hình chăn nuôi điển hình về con đặc sản và tiếp tục phát triển trong các năm tiếp . Năm 2002, Huyện đã chỉ đạo xã Hoàng Đông thành lập làng nghề nuôi con đặc sản: Ba ba, ếch; xã Chuyên

Ngoại, Mộc Bắc tiếp nhận và phát triển dự án nuôi bò sữa, nước đầu đem lại hiệu quả kinh tế [3, tr 514].

Do ảnh hưởng của thời tiết, và dịch bệnh ở gia súc, đặc biệt là dịch lợn tai xanh ở lợn và dịch lở mồm long móng ở bò nên giữa các năm có sự lên xuống không đồng đều. Bên cạnh đó là giá cả thức ăn cho gia súc tăng cao, trong khi giá lợn xuất chuồng lại giảm, gia cầm cũng bị dịch H₅N₁. Tuy nhiên dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các hộ đã tích cực duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm. Chăn nuôi đang được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa. Và tổng giá trị ngành chăn nuôi trong nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn.

Ngoài việc chăn nuôi đàn gia súc, nhân dân Duy Tiên cũng chú trọng phát triển đàn gia cầm nhất là chăn nuôi gà, vịt, ngan. Năm 1999, tổng đàn gà có 403650 con đạt 116% so với năm 1995, trong đó có 190.000 con nuôi theo phương pháp công nghiệp. Đàn ngan có 25.570 con, đạt 127% so với năm 1998. Đàn vịt có 70.220 con đạt 169% so với năm 1998. Diện tích thả cá có 800 ha, sản lượng cá đạt 1112 tấn. Ong có 860 đàn, đạt 391% so với năm 1995, sản lượng mật đạt 4300 kg. kết quả trên cho thấy chủ trương của Huyện ủy về phát triển chăn nuôi toàn diện, đa dạng đã đưa lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần làm cho tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng nhanh, bình quân 5 năm (1996-2000) đạt 31%. Chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính [44]. Năm 2015 chăn nuôi gia cầm và nuôi trồng thủy sản có bước tăng trưởng khá. Đàn gia cầm 1.07 triệu con. Sản lượng thủy sản đạt 4246,8 tấn. Kinh tế trang trại đạt hiệu quả, chương trình xây dựng nông thôn mới được quan tâm chỉ đạo. Huyện đã tập trung xây dựng, nhân rộng các đề án, chương trình, mô hình có hiệu quả trong nông nghiệp như: mô hình cấy lúa bằng máy (Yên Bắc, Châu Giang, Tiên Nội, Chuyên Ngoại), mô hình cánh đồng mẫu (Mộc Bắc, Yên Bắc, Châu Giang), mô hình lúa gieo thẳng tập trung xã Mộc Nam, xây dựng được 50 mô hình chăn nuôi đệm lót sinh học, 6 mô hình sản xuất nấm. Đề án chăn nuôi bò sữa đạt kết quả

cao [3, tr 444]

Trong thời gian từ năm 1996 đến năm 2015, ngành chăn nuôi của huyện Duy Tiên đã có một số chuyển biến tích cực nhất định.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản 5 năm (2011-2015) đạt trên 1890 tỷ đồng, tăng bình quân 1,9% năm. Tỷ trọng chăn nuôi - thủy sản trong nội bộ ngành tăng từ 43,4% năm 2011 lên 58,7% năm 2015. [30, tr 2]

2.2.2 Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Giai đoạn 1996- 2015 công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của các địa phương trong huyện Duy Tiên có bước phát triển mới và ngày càng khởi sắc. Từ năm 1996 đến năm 2015, tỉnh Hà Nam nói chung, huyện Duy Tiên nói riêng đã tập trung đầu tư phát triển mạnh mẽ công nghiệp bằng việc hình thành các cụm công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vào đầu tư phát triển công nghiệp. Trên địa bàn có 05 cụm công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp gồm: Khu công nghiệp Đồng Văn I, Đồng Văn II, Khu công nghiệp Hòa Mạc, Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Hoàng Đông, Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Cầu Giát.

Với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, cho nên cùng với sự phát triển sản xuất nông nghiệp, ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, các làng nghề truyền thống được duy trì và mở rộng như ươm tơ, dệt lụa, dệt đũi ở Nha Xá, mây giang đan xuất khẩu ở Ngọc Động (Hoàng Đông), thêu ren xuất khẩu, làm trống ở Đọi Tam (Đọi Sơn). Nhiều mặt hàng truyền thống như mây giang đan, tơ, lụa, có thị trường xuất khẩu tương đối ổn định.

Các ngành nghề khác như xay xát, chế biến lương thực, long nhãn, sản xuất nước giải khát, đặc biệt là đồ gỗ trang trí nội thất, vật liệu xây dựng phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân. Một số xí nghiệp của tỉnh, Trung ương đóng trên địa bàn huyện, tuy mới đi vào hoạt động nhưng sản phẩm được người tiêu dùng tín nhiệm, sản phẩm tiêu thụ nhanh như xí

nghiệp gạch Tuynel Mộc Bắc, xí nghiệp sản xuất tấm lợp ở Tiên Tân,... Tổng giá trị công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tăng nhanh qua từng năm. Bình quân 5 năm 1996-2000, đạt 56.492 triệu đồng/ năm. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp phát triển, đóng vai trò rất lớn trong việc chuyển dịch cơ cấu thu nhập, cơ cấu lao động các ngành kinh tế trên địa bàn. [3, tr 454]

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy, Huyện ủy ra Nghị quyết số 15-NQ/HU ngày 5/6/2003 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp. Qua từng năm, sản xuất công nghiệp có bước phát triển tích cực, đạt mức tăng trưởng cao. Trong 5 năm 2001- 2005, được tỉnh quy hoạch và đầu tư phát triển các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, do vậy sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển mới và đạt mức tăng trưởng cao nhất so với trước đó và từng bước trở thành huyện trọng điểm công nghiệp của tỉnh. Giá trị sản lượng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp bình quân tăng 97%/năm. Riêng giá trị tiểu thủ công nghiệp tăng 65 tỷ đồng năm 2001 lên 140,53 tỷ đồng năm 2001 và 67,4 tỷ đồng năm 2004. Đến năm 2005, đã cơ bản hoàn thành việc sắp xếp tổ chức hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp, đơn vị kinh tế tập thể, công ty trách nhiệm hữu hạn, tổ hợp tư nhân với 118 doanh nghiệp trong đó có 77 doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh và của huyện tăng 67 doanh nghiệp so với năm 2000. [3, tr 519]

Năm 2010, sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp phát triển ổn định. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện đạt 2.250 tỷ đồng, bằng 111,17% kế hoạch, tăng 21,62% so với năm 2009. Khối công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng trên 99% toàn ngành công nghiệp. Các mặt hàng chủ yếu là thức ăn chăn nuôi, vật liệu xây dựng, bát đĩa mây, thêu ren xuất khẩu. Một số sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu: Mây giang đan 4,3 triệu sản phẩm; lụa 4,2 triệu m, gạch đỏ 115 triệu

viên, thức ăn chăn nuôi 270.000 tấn... Giá trị hàng xuất khẩu đạt 42,6 triệu USD, bằng 101,43% kế hoạch năm. [30, tr 2]

Trong điều kiện phục hồi kinh tế chậm, nhiều doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh hoặc giải thể. Được sự quan tâm chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và các Sở, ban, ngành của tỉnh tạo điều kiện thuận lợi giải quyết những khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp trên địa bàn huyện đã nỗ lực chủ động khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh tìm kiếm thị trường, do vậy vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp ước đạt 7.237,67 tỷ đồng. Một số mặt hàng chính như sợi các loại 4687,32 tấn. Các khu công nghiệp tiếp tục hoạt động ổn định, một số khu đang được mở rộng diện tích. Tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đạt trên 80% và 100% đối với các cụm công nghiệp Hoàng Đông và Cầu Giát. Cùng với đó, huyện cũng duy trì và phát huy lợi thế các làng nghề truyền thống. Một số làng nghề như Trống Đọi Tam, lụa Nha Xá, được công nhận làng nghề tiểu thủ công nghiệp.

Với sự phát triển đa dạng về quy mô, ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, việc sử dụng máy cơ khí vào sản xuất thay thế con người đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, qua đó góp phần vào sự phát triển kinh tế của cả huyện.

2.2.3 Du lịch - Thương mại và dịch vụ

Trong 40 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần cải tiến tổ chức quản lý, đặc biệt là từ khi thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa V), Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI), hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp của huyện đã có những chuyển biến căn bản. Xuất hiện những nhu cầu về hiệp tác, liên doanh, liên kết mới giữa các hộ nông dân và giữa hộ nông dân với các thành phần kinh tế, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa. Căn cứ vào Nghị định số 16/CP về chuyển đổi đăng ký học tác xã và tổ chức hoạt động của liên hiệp

các hợp tác xã và Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy và xuất phát từ tình hình thực tiễn của huyện, Ban Thường vụ Huyện ủy lựa chọn mô hình: Chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp (cũ) thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (mới) trên cơ sở hầu hết các xã viên của hợp tác xã nông nghiệp (cũ), với tên gọi là hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp. Đến năm 1999, Duy Tiên đã hoàn thành việc chuyển đổi và đăng ký lại hoạt động của hợp tác xã theo luật, về mô hình vẫn giữ nguyên 25 hợp tác xã như trước, bao gồm 22 hợp tác xã nông nghiệp chuyển thành hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

Đến năm 2005, hoạt động thương nghiệp đã vươn lên làm chủ thị trường, nắm khâu buôn bán, để chi phối khâu bán lẻ, chọn lọc thị trường tiêu thụ, đảm bảo cung ứng hàng hóa vật tư kỹ thuật, hệ thống thương mại, dịch vụ ngày càng phát triển, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Công tác quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại được tăng cường. Hàng hóa đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

Mạng lưới chợ trên địa bàn huyện hoạt động ổn định, góp phần mở rộng giao lưu buôn bán hàng hóa, khuyến khích nông dân đầu tư cho phát triển sản xuất. Hoạt động buôn bán nhỏ của các hộ kinh doanh cá thể phát triển mạnh, trong năm 2010 đã tiến hành kiểm tra, cấp phép mới cho 195 hộ kinh doanh cá thể với mức đăng ký kinh doanh 41,53 tỷ đồng. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ trên địa bàn ước tính đạt 1.620 tỷ đồng, bằng 101,25% kế hoạch năm. Hoạt động quản lý thị trường được chú trọng, công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được thực hiện tốt tập trung vào các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Hướng dẫn cơ sở kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. [30, tr 4]

Lĩnh vực thương mại, dịch vụ tiếp tục phát triển, đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp và tiêu dùng của nhân dân. Mạng lưới kinh doanh

thương mại phát triển rộng rãi cả về loại hình và thị trường; hệ thống chợ nông thôn được cải tạo, nâng cấp theo tiêu chí nông thôn mới. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 2.635,75 tỷ đồng/năm, tăng bình quân 13,66%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 323 triệu USD/năm. Giá cả các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và kinh doanh, hàng tiêu dùng của nhân dân không có biến động lớn. Xúc tiến thương mại bằng nhiều hình thức; tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ nông, thủy sản cho nông dân. Chú trọng khai thác thị trường xuất khẩu đối với các hàng hoá truyền thống có thế mạnh, nhất là hàng nông sản, hàng thủ công nghiệp. Mở rộng, nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, đặc biệt là các dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn.

Đầu tư, nâng cao chất lượng hoạt động, thu hút du khách tại các điểm: lễ hội Tịch Điền Đọi Sơn, lễ hội chùa Long Đọi Sơn, Đền Lảnh Giang, các làng nghề truyền thống... tạo dấu ấn sâu sắc cho du khách đến tham quan đi đôi với phát triển các dịch vụ tại địa phương.

2.2.4 Tài chính, ngân hàng

Cùng với các hoạt động khác, hoạt động tài chính - ngân hàng đã có nhiều đổi mới, thiết thực hơn, đáp ứng được yêu cầu của nhân dân.

Năm 2010 huyện Duy Tiên đã khai thác tốt nguồn thu ngân sách nhà nước, tăng nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 121,65 tỷ đồng, tăng 97,26% so với kế hoạch. Cân đối thu chi hợp lý đảm bảo đúng quy định. Ưu tiên chi đảm bảo hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị. Đảm bảo nguồn kinh phí tổ chức Lễ hội tịch điền Đọi Sơn năm 2010, kinh phí tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2010-2015 và kinh phí diễn tập phòng thủ huyện Duy Tiên năm 2010, chi kịp thời các chế độ chính sách giúp người có công, bảo trợ xã hội với số tiền 4.720.449.000 đồng.

Các chi nhánh Ngân hàng trên địa bàn huyện tập trung thu hút nguồn vốn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện cho vay đúng đối tượng, doanh số cho vay ước đạt 46,5 tỷ đồng, với 6.510 lượt hộ được vay vốn. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện tổng dư nợ là 209,9 tỷ đồng. [30, tr 3]

Các cơ quan tài chính và các xã, thị trấn tập trung khai thác tốt các nguồn thu, tăng cường các biện pháp chống thất thu ngân sách, hạn chế nợ đọng; trong đó tập trung quyết liệt tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân đạt 143,33 triệu đồng/năm. Ngân hàng và tín dụng tích cực thực hiện việc huy động các nguồn vốn và rút ngắn thủ tục cho vay vốn đáp ứng nhu cầu của khách hàng về vốn để phát triển sản xuất kinh doanh. Phòng giao dịch chính sách huyện doanh số cho vay ước đạt 70 tỷ đồng với 4000 lượt hộ được vay vốn. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện: Tổng nguồn vốn 820 tỷ đồng, tổng dư nợ 546 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu bằng 0,02% tổng dư nợ. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn tích cực hỗ trợ nguồn vốn đầu tư thực hiện các mô hình trong sản xuất nông nghiệp.[30, tr 3]

Nhìn chung, hoạt động tài chính, tín dụng có nhiều chuyển biến tích cực, đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các thành phần kinh tế, đảm bảo vốn vay an toàn, không có nợ xấu, góp phần thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển.

2.2.5 Xây dựng cơ sở hạ tầng

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tốc độ xây dựng cơ bản của huyện Duy Tiên phát triển nhanh hơn trước. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và phúc lợi công cộng theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được đầu tư xây dựng: Trụ sở làm việc của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân, các ngành, đoàn thể trong huyện, các công trình văn hóa như đài tưởng niệm, nhà bia ghi tên liệt sỹ, bể bơi, khu vui chơi

cho thiếu nhi, nâng cấp sân vận động tại trung tâm huyện, xây dựng trạm bơm Yên Lệnh, xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi nội đồng, xây dựng giao thông nông thôn. Đến năm 2000, 100% các xã, thị trấn xây dựng trường học cao tầng, nhiều xã có từ 2 đến 3 ngôi trường cao tầng như Mộc Bắc, Mộc Nam, Chuyên Ngoại, Yên Bắc. Hệ thống trạm điện, lưới điện được nâng cấp, tu sửa thường xuyên. Từ năm 1997, 100% số hộ đã được dùng điện trong sinh hoạt và một phần cho sản xuất.

Tổng kinh phí đầu tư cho xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng nông thôn trên đại bàn huyện trong 5 năm đạt hơn 50 tỷ đồng. Đây thực sự là một cố gắng rất lớn của Đảng bộ và nhân dân toàn huyện trong thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn. Đồng thời cũng khẳng định việc vận dụng chủ trương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng huyện là đúng hướng và được nhân dân đồng tình ủng hộ. [3, tr 454]

Chấp hành Chỉ thị số 04 CT/TU, ngày 12/3/1997 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn trong 2 năm 1997-1998, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX nhằm nhanh chóng củng cố và hoàn chỉnh mạng lưới giao thông nông thôn phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, củng cố quốc phòng, đáp ứng yêu cầu đổi mới, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Triển khai Chỉ thị 04 – NQ-TU, Nghị quyết số 05-NQ/HU, hưởng ứng chiến dịch làm đường giao thông trong toàn tỉnh. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã phát động chiến dịch làm đường giao thông nông thôn 2 năm 1997-1998 xuống các xã, thị trấn. Các tuyến liên xã, liên thôn sử dụng kết cấu mặt đường nhựa, đường liên thôn, xóm bằng chất liệu bê tông hoặc vữa gạch nghiêng, đường cấp phối đôi với các tuyến đường ra đồng.

Chỉ trong một tháng ra quân, toàn huyện đã làm được 58km đường nhựa là 5,08km, đường vỉa gạch nghiêng là 18,60km, đường cấp phối 2,70km với tổng kinh phí đầu tư 4.966 triệu đồng. Đến năm 2000, phần lớn các tuyến đường huyện được rải nhựa, 80% đường xã, thôn, xóm được rải nhựa, bê tông, vỉa gạch nghiêng, đồ hỗn hợp “ba ta” hoặc rải đá cấp phối. [3, tr 457]

Từ ngày 15/4/2004, cầu Yên Lệnh, Cầu Tứ, Quốc lộ 38 được khánh thành, thông xe tạo điều kiện hết sức thuận lợi trong việc lưu thông với các vùng kinh tế trong và ngoài huyện, với các tỉnh. Dự án xây dựng chuỗi đô thị dọc quốc lộ 38 từ Đồng Văn đến Yên Lệnh được nghiên cứu triển khai tạo điều kiện phát triển dịch vụ.

Hệ thống lưới điện nông thôn được đầu tư, cải tạo: 11 xã, thị trấn thực hiện dự án năng lượng nông thôn (REII), trong đó bàn giao 2 xã cho ngành điện quản lý nâng tổng số xã, thị trấn do ngành điện quản lý đầu tư là 7 xã, 5 xã còn lại huy động nguồn lực địa phương đầu tư cải tạo nâng cấp lưới điện hạ áp nông thôn. Hành lang an toàn lưới điện trên địa bàn được đảm bảo. Tổng sản lượng điện năng tiêu thụ gần 34 triệu kw/h tăng 27,7% so với năm 2009. Đầu tư xây dựng cơ bản: Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 374/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư xây dựng bằng vốn Nhà nước năm 2010. Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công công tác công trình xây dựng cơ bản, công trình giao thông trên địa bàn huyện. Các công trình thi công hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, khai thác có hiệu quả sau khi đưa vào sử dụng. Nâng cấp cải tạo đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ huyện Duy Tiên, nâng cấp cải tạo Nhà văn hóa trung tâm huyện, đầu tư xây dựng mới nhà văn hóa thiếu nhi huyện; công trình phụ trợ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, công trình phụ trợ trường Trung học cơ sở Nguyễn Hữu Tiên, đường trục xã Tiên Tân, đường vào khu đô thị

DETECH... Tổng khối lượng thực hiện các công trình năm 2010 ước tính đạt 125 tỷ đồng, nguồn vn giải ngân ước đạt 115 tỷ đồng. [29, tr3]

Quan tâm chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình theo phân cấp và hỗ trợ các xã khó khăn về ngân sách đầu tư xây dựng trường học, trụ sở làm việc; chi phục vụ các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn; kịp thời chi hỗ trợ xây dựng nông thôn mới các xã theo cơ chế hỗ trợ của tỉnh; chỉ đạo các đơn vị và các xã, thị trấn thực hành tiết kiệm trong chi tiêu và sử dụng ngân sách trong quản lý mua sắm và sử dụng tài sản công. Tăng cường quản lý đầu tư và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 21/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam tập trung nguồn lực để thanh toán nợ đầu tư, từng bước hạn chế đầu tư xây dựng cơ bản tràn lan. Năm 2015 đã hoàn thành 20 công trình đưa vào sử dụng: có 03 trường học, 03 trạm y tế, trục đường giao thông khu đất 7%, các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc tại Ủy ban nhân dân các xã 02, nâng cấp 3 tuyến đường trục xã, cải tạo tu sửa nghĩa trang liệt sỹ và nghĩa trang nhân dân và 3 công trình khác. Bên cạnh đó 3 công trình tham gia ý kiến vào quy hoạch xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020, tầm nhìn 2030.[26, tr 3]

Bước chuyển biến trong xây dựng cơ sở hạ tầng đã có tác dụng thúc đẩy mạnh sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Tiểu kết chương 2

Sau 10 năm tiến hành Đổi mới 1986, kinh tế huyện Duy Tiên đã có nhiều khởi sắc. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã lãnh đạo nhân dân huyện đã lãnh đạo nhân dân tập trung đẩy mạnh sản xuất, tăng vụ, chuyển

dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao. Việc thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Đảng về phát triển kinh tế, các chính sách khuyến nông, khuyến lâm, đã giúp kinh tế huyện Duy Tiên có sự phát triển nhảy vọt. Từ một nền nông nghiệp truyền thống vươn lên sản xuất hàng hóa, nâng cao hệ số sử dụng đất. Việc mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, chăn nuôi gia súc đã giúp nhân dân trong huyện cải thiện đời sống, tăng thu nhập.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra mạnh mẽ, theo chiều hướng tích cực, từ một nền kinh tế thuần nông đã chuyển sang nền kinh tế toàn diện hơn với cơ cấu nông, lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Tuy nhiên, việc quy hoạch vùng sản xuất vẫn còn chậm. Việc áp dụng những tiến bộ Khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế.

Duy Tiên có những chuyển biến trong việc tập trung huy động các nguồn lực nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn và thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, có các chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước; khai thác tốt các thế mạnh của kinh tế địa phương như công nghiệp khai thác cát, chế biến nông sản... phát triển cây trồng, vật nuôi phù hợp để giải quyết lao động dư thừa, tăng thu nhập, mở rộng ngành nghề, phát huy vai trò của Ngân hàng chính sách trong việc giải quyết vốn cho nhân dân.

Trong xây dựng cơ sở hạ tầng, cần ưu tiên phát triển giao thông, áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất gắn liền sản xuất và bảo vệ môi trường.

Những thành tựu trong công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và của huyện Duy Tiên nói riêng đã từng bước khơi dậy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, giúp nhân dân yên tâm lao động sản xuất, làm giàu trên mảnh đất quê hương.

Chương 3

CHUYỂN BIẾN XÃ HỘI TỪ NĂM 1996 ĐẾN NĂM 2015

3.1. Chủ trương của huyện về các vấn đề xã hội

Khoa học, công nghệ và giáo dục và đào tạo được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm và coi đây là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Đảng và Nhà nước coi trọng cả quy mô, chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo.

- Xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Từ sau khi khởi đầu công cuộc Đổi mới, xây dựng đất nước Đảng và Nhà nước khẳng định, văn hoá là nền tảng tinh thần xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong chính sách giải quyết một số vấn đề xã hội Đảng và Nhà nước luôn coi trọng chủ trương: Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo. Thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, các dân tộc, các tầng lớp dân cư; phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, nhân hậu thuỷ chung.

- Trong nhiệm vụ tăng cường quốc phòng an ninh, Đảng và Nhà nước chủ trương: phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, từng bước tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của đất nước, xây dựng vững chắc nền quốc phòng toàn dân.

- Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hoá và đa dạng hoá các quan hệ đối ngoại với tinh thần Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển. Mở rộng quan hệ đối ngoại nhân dân, quan hệ với

các tổ chức phi chính phủ, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước, góp phần thúc đẩy xu thế hoà bình, hợp tác, phát triển.

- Thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân.

- Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo các quan điểm: xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh công nông và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

3.2 Chuyển biến về xã hội huyện Duy Tiên từ năm 1996 đến năm 2015

3.2.1 Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa thông tin thể thao

Về giáo dục và đào tạo: Nhận thức sâu sắc quan điểm” Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu” với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nguồn nhân tài. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân và ngành giáo dục đã có nhiều chủ trương và giải pháp mạnh mẽ để phát triển giáo dục, từ đó tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc lãnh đạo, chỉ đạo ngành giáo dục. Năm 1996, đã thực hiện chuyển giao việc quản lý, xây dựng củng cố vật chất các trường mầm non từ hợp tác xã về Uỷ ban nhân dân xã. Huyện đã chỉ đạo các xã, thị trấn có kế hoạch cụ thể để chăm lo đời sống giáo viên mầm non; thực hiện chuẩn hoá 40-50% giáo viên mầm non, 100% giáo viên tiểu học, 80% giáo viên trung học cơ sở; triển khai đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực cho giáo dục, đặc biệt là ngân sách để cao tầng hóa, mái bằng hóa.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng. Năm 1999, huyện được công nhận phổ cập trung học cơ sở, nhiều trường đạt chuẩn quốc gia và là một trong 6 huyện của toàn tỉnh hoàn thành phổ cập trung học cơ sở trước năm 2000.

Toàn huyện đã thực sự chăm lo và làm tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” 5/9 hàng năm. Một số em có hoàn cảnh khó khăn, bỏ học đã được

nhà trường, các tổ chức đoàn thể động viên các cháu ra lớp, hỗ trợ thêm sách vở, đồ dùng học tập để các cháu yên tâm học tập. Các ngành học làm tốt công tác huy động số, có biện pháp tích cực để duy trì số, đảm bảo kê shoachj năm học, tỷ lệ học sinh bỏ học ở bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông là 0,09% vào năm 1999.

Quỹ khuyến học, khuyến tài là một hình thức mới được hội đồng giáo dục huyện đề xuất nhằm động viên giúp đỡ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, đồng thời biểu dương khen thưởng các em có thành tích xuất sắc trong học tập. Đến năm 1999, 100% số xã trong huyện đều xây dựng được quỹ khuyến học, khuyến tài. Chất lượng giáo dục toàn diện ở các khối lớp, bậc học, ngành học có bước chuyển biến đáng kể, nhất là chất lượng đức dục, trí dục, chất lượng học sinh giỏi. Chất lượng đại trà ở các khối lớp thi lên lớp đều đạt trên 95%. Tỷ lệ thi tốt nghiệp cuối cấp tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,5%, trung học phổ thông là 90%. Ngành giáo dục huyện là đơn vị tiên tiến 3năm liền, được Sở Giáo dục- đào tạo đánh giá là một trong những huyện có phong trào giáo dục phát triển tốt. [3, tr 460,461]

Thực hiện chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, cùng với kết quả đạt được về kinh tế, các hoạt động văn hoá xã hội trên địa bàn huyện cũng không ngừng phát triển. Trên cơ sở quán triệt quan điểm giáo dục là quốc sách hàng đầu, do vậy huyện đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đồng thời huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trường học. Đến năm học 2005- 2006, có 43/67 trường cao tầng, chiếm 64,18% so với tổng số trường trong huyện. Giáo dục mầm non duy trì 22 trường, 173 lớp mẫu giáo, huy động được 4527 cháu ra lớp đạt 94,7% số cháu trong độ tuổi. Giáo dục tiểu học được duy trì với 24 trường, 330 lớp và 9.194 học sinh. Tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt 98,27%. Bậc Trung học cơ sở có 21 trường, 264 lớp, 10.238 học

sinh. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 99,87%. Trung tâm giáo dục thường xuyên duy trì tốt các lớp bồi túc văn hoá cho học sinh tiểu học, 36 lớp cho 150 học viên. Giáo dục trung học phổ thông, kể cả bồi túc văn hoá, trên địa bàn huyện có 5 trường trung học phổ thông, đáp ứng yêu cầu học tập của con em nhân dân trong huyện. Các đội tuyển học sinh giỏi đạt kết quả cao, trong đó đội tuyển học sinh giỏi trường Trung học phổ thông A nhiều năm dẫn đầu trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng, đại học ngày càng tăng. Ngoài giáo dục kiến thức theo chương trình phổ thông, các trường còn tổ chức giáo dục về luật an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ học đường. Toàn ngành giáo dục huyện được Sở Giáo dục công nhận hoàn thành 10/10 chỉ tiêu công tác, đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc của tỉnh. [3, tr 521]

Công tác phổ cập và xây dựng trường chuẩn Quốc gia sau 10 năm triển khai thực hiện thu được nhiều kết quả; là đơn vị đầu tiên trong tỉnh được công nhận đạt phổ cập giáo dục, Tiểu học đúng độ tuổi; 21/21 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Trường trung học cơ sở; là đơn vị dẫn đầu toàn tỉnh với 100% trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia; 12/22 trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia.

Từ năm 2010 công tác giáo dục và đào tạo đạt được nhiều kết quả nổi bật, góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đã đề ra. Các phong trào thi đua, cuộc vận động và chủ đề năm học được phát động, tổ chức thực hiện nghiêm túc gắn với đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, thực hiện công tác phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi được Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra công nhận. Chất lượng giáo dục mũi nhọn được quan tâm, đạt

được nhiều thành tích cao trong các đợt thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi cấp tỉnh. Chất lượng đội ngũ giáo viên không ngừng được nâng cao, 100% giáo viên bậc học mầm non và tiểu học đạt chuẩn; 98,7% giáo viên cấp Trung học cơ sở đạt chuẩn.

Văn hóa - thông tin - thể thao: Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về việc xây dựng nền văn hóa, tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể địa phương, hoạt động văn hóa- thông tin thể thao của huyện đã có bước phát triển mạnh mẽ, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia, phục vụ tốt yêu cầu chính trị, nhu cầu hưởng thụ văn hóa, nâng cao thể lực cho nhân dân.

Phòng văn hoá thông tin được tăng cường đội ngũ cán bộ và phương tiện, do đó các hoạt động đi vào chiều sâu và đạt được hiệu quả tích cực. Phong trào thể dục thể thao quần chúng tiếp tục được phát động mạnh mẽ ở các xã, thị trấn thu hút được các tầng lớp nhân dân tham gia. Hệ thống đài truyền thanh các xã, thị trấn được nâng cấp, tăng cường trang thiết bị và kiện toàn đội ngũ cán bộ.

Tổ chức thành công Lễ hội tịch điền Đọi Sơn năm 2010, Đại hội thi đua yêu nước lần thứ nhất, đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XXII, đại hội thể dục thể thao huyện lần thứ VI và các ngày kỷ niệm lớn đã tạo tâm lý phấn khởi cho các tầng lớp nhân dân trong huyện hăng hái thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2010. Chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được nâng cao. Năm 2010 có 33.253 gia đình đăng ký tiêu chuẩn văn hóa (đạt 99,5%).

Thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới việc tang, lễ hội: Lễ cưới được tổ chức đảm bảo đúng theo Luật hôn nhân và gia đình, đảm bảo trang trọng và tiết kiệm, thực hiện không cưới tảo hôn, xóa bỏ nhiều hủ tục lạc hậu trong đám cưới. Đến nay nhiều địa phương, nhiều gia đình, dòng họ đã thực

hiện tốt không hút thuốc lá trong tổ chức hiếu, hỷ. Bình quân mỗi năm toàn huyện có trên 500 đám cưới thực hiện tốt nếp sống văn hóa.

Toàn huyện có 269 di tích: đình, đền, chùa, miếu, phủ... trong đó có 12 di tích được Nhà nước xếp hạng cấp Quốc gia, 10 di tích cấp tỉnh. Hàng năm tổ chức Lễ hội Tịch Điền, lễ hội Chùa Long Đọi Sơn xã Đọi Sơn, lễ hội Đền Lảnh Giang xã Mộc Nam để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách thập phương.

Công tác thông tin truyền thông, báo chí: Hiện trên địa bàn toàn huyện có 02 điểm giao dịch thuê bao di động của Trung tâm viễn thông Duy Tiên là Đồng Văn, Hòa Mạc, thực hiện hòa mạng, đăng ký thuê bao Vinaphone trả trước – trả sau, ký hợp đồng ủy quyền đăng ký thông tin thuê bao Vinaphone trả trước với 12 điểm đại lý trên địa bàn huyện. Toàn huyện có 31 trạm BTS đã được cấp phép xây dựng. Điện thoại cố định: 6.500 thuê bao. Di động trả sau: 2.500 thuê bao. Internet: 2.450 thuê bao,...

Những kết quả của phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao đã có tác dụng giáo dục sâu sắc cho người dân bỏ các tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống ngày càng tốt hơn.

3.2.2 Y tế - Môi trường

Y tế: Được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp của các ban, ngành, quần chúng nhân dân, sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ y tế, nên công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân đã đạt được nhiều thành tích. Năm 1996, mặc dù công tác khám chữa bệnh đã được coi trọng. Năm 1993 tỷ lệ khám, chữa bệnh cho nhân dân đạt 70%, từ năm 1997 đạt 100%. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành, đời sống của cán bộ y tế được cải thiện, thái độ, y đức của cán bộ y tế đối với bệnh nhân ngày càng được nâng cao. Thực hiện chính sách khám, chữa bệnh miễn phí đối với các đối tượng chính sách, bệnh nhân nghèo, cô đơn không nơi nương tựa, trẻ em dưới 6 tuổi: năm 1997 được 812 người, với kinh phí là 37.630.000 đồng.

Công tác y tế dự phòng được coi trọng, đến năm 1999 tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm phòng hàng năm đạt hơn 98%. Các chiến dịch uống vắc xin phòng bại liệt, vitamin A đều đạt 100%, không còn trẻ em bị mắc bệnh bại liệt, bạch hầu, số trẻ mắc sởi đã giảm rất nhiều và không có trường hợp nào bị tử vong.

Trong những năm qua, công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân không ngừng được chú trọng, từ việc triển khai tốt các chương trình mục tiêu y tế quốc gia; hệ thống y tế nhà nước và tư nhân được củng cố phát triển; công tác quản lý nhà nước về y tế từng bước được nâng cao, hiệu quả; công tác phòng chống dịch bệnh luôn được quan tâm, củng cố và ngày càng hoàn thiện; an toàn vệ sinh thực phẩm được kiểm soát; các cơ sở khám chữa bệnh luôn được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị ngày càng hiện đại, đội ngũ y, bác sỹ không ngừng đào tạo nâng cao, đào tạo lại đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và cấp cứu thông thường cho nhân dân; việc cung ứng dược đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu bệnh tật. Hiện nay có 18/18 đạt 100% trạm Y tế xã, thị trấn có bác sỹ làm việc. Công tác xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã được quan tâm chỉ đạo. Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tốt. Kết quả mức giảm sinh năm 2013 đạt 0,22%, tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi giảm còn 14,5%, tỷ lệ bảo hiểm y tế bao phủ khoảng 56% dân số. Theo Quyết định số 370/2002/QĐ-BYT ngày 7/2/2002 của Bộ Y tế về việc Ban hành chuẩn QG về y tế giai đoạn 2001-2010 hiện nay đã có 16/18 đạt chuẩn quốc gia về y tế chiếm tỷ lệ 89,8%; theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT, ngày 20/9/2011 của Bộ Y tế, Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020 có 18/18 đạt 100% xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế Thực hiện các chương trình tiêm chủng đạt kết quả cao, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng còn 12%. [26, tr 5]

Trong suốt những năm đổi mới, sự nghiệp y tế đã đạt được nhiều thành tích trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại những yếu kém cần khắc phục. Đó là, chất lượng hoạt động của các chương trình y tế chưa đồng đều; đội ngũ cán bộ y tế còn yếu về số lượng và chất lượng, chưa có chính sách thu hút bác sỹ, dược sỹ mới ra trường về công tác lâu dài ở địa phương; thiếu các thiết bị y tế hiện đại; một bộ phận cán bộ còn chưa có thái độ phục vụ tốt đối với người bệnh, vẫn xảy ra tình trạng thiếu y đức, quản lý hành nghề y dược tư nhân chưa chặt chẽ.

Về môi trường: Sự chuyển biến kinh tế, xã hội đã làm thay đổi bộ mặt của huyện Duy Tiên, giúp nâng cao đời sống nhân dân. Nhưng cùng với tốc độ đô thị hóa đã và đang gây ra nhiều tác động ảnh hưởng xấu đến môi trường. Đây là vấn đề bức xúc, là mối quan tâm sâu sắc không chỉ riêng huyện Duy Tiên mà đối với toàn tỉnh Hà Nam nói chung.

Do tiến hành công nghiệp hóa, nên sự gia tăng về các nhà máy ở các khu công nghiệp tăng. Ngoài hiện tượng ô nhiễm chất thải do các nhà máy cơ sở sản xuất gây ra, thì còn do các sơ sở y tế đóng trên địa bàn. Tiếng ồn, chất thải chưa được xử lý triệt để. Phương tiện giao thông, hệ thống giao thông được nâng cấp sửa chữa. Nhưng trong quá trình thi công các phương tiện vận chuyển còn làm rơi vãi vật liệu trên đường, không thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường đã gây ô nhiễm tiếng ồn, bụi.

Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được chú trọng. Chỉ đạo các xã, thị trấn tập trung triển khai có hiệu quả việc xóa bỏ lò gạch thủ công trên địa bàn: đến ngày 30/10/2011 có 106/106 lò được dỡ bỏ hoàn toàn, đảm bảo môi trường khu vực nông thôn. Chỉ đạo các phòng chức năng và các xã, thị trấn làm tốt công tác bảo vệ môi trường, chỉ đạo, hướng dẫn các tổ thu gom rác thải và vận chuyển rác thải đưa về nhà máy tại xã Duy Minh để xử lý với khối lượng từ 25 đến 30 tấn/ngày. Xây dựng nhà máy nước Đọi Sơn, mở rộng địa

bàn cung cấp nước của nhà máy nước Mộc Nam. Phối hợp kiểm tra và xử lý nghiêm các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép. Năm 2015, tỷ lệ thu gom rác thải đạt 90%, có 87% hộ dùng nước hợp vệ sinh, đạt 95,6% so với Nghị quyết Đại hội. [26, tr3]

3.2.3 Lao động – Việc làm

Lao động – việc làm là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển và sự ổn định xã hội ở mỗi địa phương. Vì thế, đây luôn là vấn đề được Đảng bộ, chính quyền và các cấp ngành quan tâm và tìm cách giải quyết.

Để thực hiện có hiệu quả vấn đề này, huyện Duy Tiên đã tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân có quan điểm đúng đắn về lao động – việc làm có thu nhập hợp pháp. Xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động ở khu vực nông nghiệp nông thôn, tăng tỷ lệ lao động ở khu vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, mở rộng phát triển thị trường, tạo điều kiện để lao động có việc làm thường xuyên và ổn định. Việc hướng nghiệp dạy nghề, thực hiện các dự án giải quyết việc làm, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân.

Trước năm 1996, lao động ở huyện Duy Tiên chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp đơn thuần, sản xuất tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất gạch, ngói... Trình độ chuyên môn thấp, thu nhập chưa cao. Từ năm 1996 trở lại đây, đặc biệt là năm 2005, công tác giải quyết lao động việc làm ở huyện Duy Tiên có nhiều thay đổi tích cực do sự phát triển kinh tế xã hội và nhận thức của người dân được nâng lên. Các nhà máy trong khu công nghiệp đi vào hoạt động đã giải quyết một lượng lớn nhu cầu việc làm không chỉ trong huyện mà cho toàn vùng và các tỉnh lân cận. Số lao động dịch vụ năm 2005 là 23224 người tăng 11625 người so với năm 2000 [2, tr 519]

Đến năm 2010, để giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thu hồi đất phục vụ các dự án, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo Trung tâm dạy nghề phối hợp với các cơ quan liên quan, các địa phương và doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn đào tạo nghề cho lao động gắn với giải quyết việc làm và sử dụng lao động tại chỗ. Giải quyết việc làm mới cho 3.000 lao động, giải quyết việc làm thêm cho 3.500 lao động. Mở 37 lớp học nghề cho 1.087 học viên, trong đó Trung tâm dạy nghề huyện mở 26 lớp, các tổ chức hội, đoàn thể và doanh nghiệp phối hợp mở 11 lớp. Triển khai và hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020. [30, tr 4]

Triển khai có hiệu quả các đề án, kế hoạch về đào tạo nghề của Chính phủ; Nghị quyết của Huyện ủy về đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Số lao động được giải quyết việc làm mới bình quân 3 năm là 3.497 người/năm, vượt chỉ tiêu đại hội 57 người/năm. Tỷ lệ hộ nghèo đến hết năm 2013 giảm còn 5,34% . Năm 2015 giải quyết việc làm mới cho 3350 người bằng 100% kế hoạch năm, xuất khẩu lao động 245 người bằng 21% kế hoạch năm. Tổng số lao động được học nghề là 1500 lao động. Thực hiện có hiệu quả chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững. Nhiệm kỳ 2011-2020, đã đào tạo nghề cho trên 7.500 người; giải quyết việc làm mới cho 14.080 lao động. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2015 còn dưới 2,61%, bình quân giảm 1,3%/năm, vượt chỉ tiêu đề ra; 100% trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ Bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh miễn phí; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn huyện đạt 72,6%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12,8%, vượt chỉ tiêu; giảm tỷ lệ sinh còn 0,19% .

Nhờ có chính sách giải quyết việc làm tích cực, hợp lý đã giải quyết được một phần lớn lao động nhàn rỗi trong huyện, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân, qua đó góp phần ổn định trật tự xã hội.

Bên cạnh những chính sách giải quyết việc làm cho người lao động, vấn đề lao động việc làm của huyện Duy Tiên vẫn còn nhiều hạn chế như: Công tác đào tạo nghề được quan tâm nhưng chưa mạnh, trình độ lao động vẫn còn thấp, phần lớn là lao động chân tay, một số lao động chưa tích cực tìm việc làm, còn tư tưởng ỷ lại, mải chơi, tốc độ giảm nghèo còn chậm.

3.2.4 Thu nhập – đời sống

Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX là đại hội mở đầu cho sự nghiệp đổi mới của huyện Duy Tiên. Với mục tiêu: “Tạo môi trường thuận lợi để cho các thành phần kinh tế phát triển, tạo điều kiện để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện từ thuần nông sang nông-công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Đầu tư, nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn ... để từng bước cải thiện và nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho nhân dân” [3, tr 438]. Tuy nhiên năm 1996 nhân dân trong huyện gặp nhiều khó khăn thử thách lớn do thời tiết, nhưng với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, ý thức vươn lên, khắc phục mọi khó khăn nên vẫn là năm có sản lượng cao nhất so với trước đó. Bình quân lương thực đầu người đạt 553 kg/năm [2, tr 441]. Vận dụng đúng đắn, sáng tạo các chỉ trương chính sách của Trung ương, của Tỉnh, Đảng bộ huyện Duy Tiên đã có những bước chuyển biến về kinh tế. Theo kết quả điều tra, thu thập số liệu thứ cấp huyện Duy Tiên cho thấy năm 1996, có 5,1 % hộ nghèo đói, 14,2% hộ nghèo đến năm 2000 không còn hộ đói, hộ nghèo giảm xuống còn 12,8%, bình quân thu nhập đầu người tăng từ 3 triệu đồng/năm lên 5,4 triệu đồng/người/năm. Năm 2015 thu nhập bình quân đầu người của người dân trên địa bàn huyện đạt 9,4 triệu đồng/người/năm, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm đều giảm, năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo là 4,3% giảm 9,9% so với năm 1996.

Bảng 3.1 Thu nhập bình quân đầu người của hộ nông dân giai đoạn 1996-2015

Các chỉ tiêu	ĐVT	1996	2000	2005	2010	2015
Thu nhập bình quân đầu người/năm	Triệu đồng	3	5,4	8,5	13,2	19,4
Tỷ lệ hộ nghèo	%	14,2	12,8	10,53	8,5	4,3

(Nguồn: Niên giám thống kê huyện Duy Tiên, xuất bản năm 2016)

Qua bảng 3.1 cho thấy thu nhập bình quân đầu người của hộ nông dân giai đoạn 1996-2015 có chiều hướng tăng dần, thu nhập bình quân tăng phản ánh mức sống của hộ tăng, chất lượng đời sống người dân được cải thiện hơn theo sự phát triển của đời sống kinh tế- xã hội. Tỷ lệ hộ nghèo có xu hướng giảm dần theo các năm. Năm 1996, tỷ lệ hộ nghèo là 14,2%, năm 2000, tỷ lệ hộ nghèo là 12,8%, năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo là 10,53%, năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo là 8,5%, năm 2015 là 4,3% từ đó có thể thấy đó là một bước tiến lớn trong công tác xóa đói giảm nghèo trên địa bàn huyện.

Mức sống được coi là một trong những thước đo để đánh giá đời sống hộ nông dân và phụ thuộc chặt chẽ vào yếu tố thu nhập. Mức sống của hộ được thể hiện dưới hai hình thức: chi tiêu vật chất và chi tiêu về đời sống tinh thần. Có thể đánh giá mức sống thông qua việc mua sắm trang bị đồ dùng, tiện nghi và loại hình nhà ở của hộ nông dân. Trong giai đoạn 2000-2015, sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội đã làm thay đổi đáng kể số lượng đồ dùng sinh hoạt của hộ gia đình như các phương tiện phục vụ đi lại, phương tiện thông tin liên lạc đều có xu hướng tăng lên. Năm 2005 đến năm 2015 cao hơn rất nhiều so với mức tăng từ năm 1996-2000, cho thấy chất lượng cuộc sống hộ nông dân của huyện ngày càng được cải thiện và nâng cao.

Bảng 3.2 Bảng vật dụng gia đình của hộ nông dân được điều tra giai đoạn 2000-2015

STT	Chỉ tiêu điều tra	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015
1	Số hộ điều tra	160	160	160	160
2	Số xe máy	10	32	138	150
3	Số xe đạp	45	80	182	230
4	Số ô tô	0	2	13	25
5	Số tivi	11	64	154	160
6	Số tủ lạnh	0	10	25	98
7	Số máy giặt	0	10	22	52
8	Điều hòa	0	10	22	46
9	Tài sản có giá trị khác (điện thoại, máy vi tính...)	5	20	150	160

(Nguồn: Tổng hợp điều tra năm 2015, phòng thống kê huyện Duy Tiên)

Những kết quả đạt được minh chứng cho quá trình đổi mới kinh tế của huyện Duy Tiên, đã tạo cho người dân ra sức làm giàu cho gia đình và xã hội làm cho đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong huyện không ngừng được tăng lên.

3.2.5 Thực hiện các chính sách xã hội

Quan trọng nhất của Đảng là tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với công bằng xã hội, Đảng bộ, chính quyền huyện Duy Tiên, luôn quan tâm đến việc thực hiện các chính sách xã hội.

Tiếp tục thực hiện pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”, đến năm 2000 toàn huyện có 108 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu cao quý đó. Đến năm 2000, 13 bà mẹ còn sống được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng, chăm sóc đến cuối đời.

Việc thực hiện công tác xã hội và chính sách hậu phương quân đội ngày càng mang lại hiệu quả thiết thực. Đã tập trung động viên cán bộ đảng

viên và nhân dân đẩy mạnh phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” bằng những việc làm thiết thực. Đến năm 1998, toàn huyện đã xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa trị giá 150 triệu đồng, 670 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 167 triệu đồng tặng các gia đình chính sách gặp khó khăn.

Thực hiện chủ trương xoá nhà tranh cho các đối tượng chính sách, từ năm 1997- 2000 toàn huyện đã xoá được 4.951 ngôi nhà tranh cho các gia đình chính sách, xây dựng 11 ngôi nhà tình nghĩa tặng gia đình liệt sỹ, thương binh, bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đến năm 2000, huyện đã hoàn thành xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ, 100% số xã, thị trấn xây dựng được nghĩa trang liệt sỹ, quy tập 25 mộ liệt sỹ về các nghĩa trang cơ sở.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Dịp Tết Nguyên đán, tổng số đối tượng được tặng quà lag 7.926 người, với tổng giá trị hơn 1,3 tỷ đồng. Làm tốt công tác “Đền ơn đáp nghĩa”, vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ được 113.672.000 đồng vào “Quỹ Đền ơn đáp nghĩa” của huyện. Cấp 16.170 thẻ Bảo hiểm y tế cho các đối tượng người có công và chính sách xã hội.

Công tác giảm nghèo được thực hiện có hiệu quả, đến nay tỷ lệ hộ nghèo giảm (theo tiêu chí mới) còn 8,5% năm 2010. Tích cực triển khai đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, Năm 2010 đã hoàn thành đợt I: 79/79 hộ đã làm xong, đạt 100%, tiếp tục triển khai đề án làm nhà đợt II đã có 111/175 hộ làm xong còn 64 hộ đang hoàn thiện. [25, tr 6]

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền từ huyện đến cơ sở tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quy định về chính sách xã hội, chăm sóc người có công, trợ giúp khó khăn. Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn” , phụng dưỡng các Mẹ Việt Nam anh hùng, giúp đỡ các gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện có hiệu quả, được đông đảo nhân dân tham gia ủng hộ. Năm 2015

toàn huyện đã vận động xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa được gần 500 triệu đồng, tặng 1.351 sổ tiết kiệm tình nghĩa trị giá 1,9 tỷ đồng. Đã hoàn thành xóa nhà tranh vách đất, nhà không an toàn cho các hộ nghèo. Hỗ trợ, tu sửa, nâng cấp 16 công trình nghĩa trang, phần mộ liệt sỹ; Đài tưởng niệm Anh hùng liệt sỹ của huyện với kinh phí 4,2 tỷ đồng. Các đối tượng bảo trợ xã hội như: bảo trợ trẻ em, người khuyết tật, người cô đơn, người cao tuổi được thực hiện đúng đối tượng và đảm bảo đúng chế độ chính sách của Nhà nước.

Nhờ có sự chỉ đạo kịp thời sát sao của các cấp ủy Đảng, chính quyền cơ sở, sự phối hợp của các cơ quan, ban, ngành và quần chúng nhân dân mà việc thực hiện các chính sách xã hội đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ, giúp đỡ và cải thiện đời sống của các gia đình chính sách và những người có hoàn cảnh khó khăn.

3.2.6 Công tác bảo đảm trật tự và an toàn xã hội

Trật tự, an toàn xã hội: Những diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế, khu vực đã tác động đến tình hình trật tự và an toàn xã hội. Tình hình tranh chấp, khiếu kiện, mâu thuẫn nội bộ nhân dân diễn ra ở một số nơi với tính chất khá phức tạp, kéo dài như ở xã Tiên Hải, Tiên Nội, thị trấn Đồng Văn, Tiên Hiệp, Duy Minh, Yên Nam. Trong lĩnh vực an ninh chính trị. Một số hoạt động tôn giáo tìm mọi biện pháp tăng cường củng cố hội đoàn, giáo hội cơ sở, tăng ni và tiếp tục thực hiện ý đồ của họ là tách hoạt động của tôn giáo ra khỏi sự quản lý của Nhà nước.

Công tác đảm bảo an ninh nông thôn được xác định là một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên trong toàn bộ hoạt động của ngành công an, do đó được chỉ đạo có hiệu quả. Đến năm 2000, 15/18 điểm có mâu thuẫn, khiếu kiện đã dần đi vào ổn định. Công an huyện phối hợp với các ngành chức năng giúp cấp ủy và chính quyền các cấp tập trung xây dựng, củng cố các cơ sở chính trị vùng giáo, thực hiện tốt chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước theo tinh

thần Nghị quyết số 24-NQ/TW của Bộ chính trị, Nghị định 69/CP của Chính phủ. Công tác đấu tranh chống tội phạm hình sự giải quyết các tệ nạn xã hội là một trong những công tác trọng tâm được tập trung chỉ đạo, đã chủ động tiến hành các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh với các loại tội phạm.

Chủ động, nắm chắc tình hình nội bộ nhân dân, hoạt động của người nước ngoài, các tôn giáo, giải quyết kịp thời các vấn đề phức tạp phát sinh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Đảm bảo tốt an ninh, trật tự phục vụ Đại hội Đảng các cấp và các sự kiện chính trị, văn hóa lớn của đất nước cũng như địa phương.

Công tác đấu tranh phòng, chống ma túy được chú trọng góp phần đẩy lùi tệ nạn ma túy và tội phạm ma túy. Thực hiện Đề án số 715/ĐA-UBND ngày 28/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đạt kết quả cao, đảm bảo chặt chẽ, chính xác, đúng quy trình, 21/21 xã, thị trấn đã điều tra thiết lập được 39.023 hồ sơ với tổng số 137.886 khẩu. Tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị định số 40/1999/NĐ-CP của Chính phủ và 01 năm thực hiện Pháp lệnh về công an xã, đánh giá đúng tầm quan trọng vị trí và vai trò của lực lượng công an xã trong tình hình hiện nay. Đẩy mạnh việc trấn áp các loại tội phạm, thực hiện tốt các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông. Do vậy số vụ phạm pháp hình sự, số vụ tai nạn giao thông giảm so với cùng kỳ. Năm 2010 đã xảy ra 76 vụ phạm pháp hình sự, giảm 5 vụ bằng 6,17% so với năm 2009, các loại tội phạm chủ yếu là trộm cắp tài sản và cố ý gây thương tích. Về trật tự an toàn giao thông, đã xảy ra 45 vụ tai nạn giao thông làm 45 người chết, bị thương 16 người. Xử lý vi phạm các quy định về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đã phạt vi phạm hành chính 1355 trường hợp, nộp ngân sách nhà nước 401.337.000 tỷ đồng. [30, tr 6]

Tình hình an ninh, chính trị cơ bản ổn định. Nắm chắc tình hình, giải quyết hiệu quả những phức tạp liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn

giáo, an ninh kinh tế. triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 48-CT/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 09- NQ/CP của Chính phủ và các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, mại dâm, phòng chống buôn bán người giai đoạn 2011-2015. Trật tự an toàn xã hội có chuyển biến tích cực, tội phạm và tệ nạn xã hội được kiềm chế. Quản lý chặt chẽ hoạt động của người nước ngoài, Việt kiều về địa phương huyện. Hiện nay có khoảng 110 đến 170 người nước ngoài tạm trú làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp trên địa bàn huyện. Phát hiện và xử lý 02 trường hợp vi phạm các quy định về xuất nhập cảnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thì công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của huyện Duy tiên vẫn còn nhiều hạn chế cần khắc phục. Đó là, tình trạng khiếu nại về chế độ chính sách trong đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án khu công nghiệp, đơn thư về tranh chấp đất đai các khi dân cư. Tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng. Đặc biệt là tội phạm về ma túy và trộm cắp tài sản.

Tiểu kết chương 3

Sau gần 30 năm thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, huyện Duy tiên đã đạt được nhiều thành tựu trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, góp phần nâng cao, cải thiện đời sống của nhân dân.

Sự nghiệp Giáo dục – đào tạo được coi là quốc sách hàng đầu, là công việc của toàn xã hội, phát triển nhanh, toàn diện về quy mô, chất lượng và cơ sở vật chất.

Sự nghiệp y tế được quan tâm, công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn; hệ thống y tế mở rộng đến tất cả các thôn, xóm.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục – thể thao phát triển, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, đáp ứng tốt hơn nhu cầu giải trí cho nhân dân, góp phần đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

Việc thực hiện các chính sách xã hội thường xuyên được quan tâm, an ninh- quốc phòng được giữ vững, ổn định, giúp cho nhân dân an tâm, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, quá trình thực hiện sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Duy Tiên còn bộc lộ những hạn chế. Đó là chất lượng giáo dục chưa đồng đều giữa các vùng, y tế còn gặp nhiều khó khăn, thiếu đội ngũ thầy thuốc có trình độ chuyên môn cao, tệ nạn xã hội gia tăng, đặc biệt là buôn bán ma túy, trộm cắp tài sản, tai nạn giao thông chưa giảm, các vụ tranh chấp đất đai chưa kịp thời giải quyết, quy hoạch đô thị, cơ sở hạ tầng còn bất hợp lý, tình trạng ô nhiễm môi trường xảy ra nhiều nơi, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, còn khó khăn về việc làm...

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ và chính quyền nhân dân huyện Duy Tiên cần đoàn kết, khắc phục khó khăn, tìm ra những giải pháp tối ưu nhằm đưa kinh tế - xã hội huyện Duy Tiên phát triển hơn nữa, nâng cao chất lượng sống của người dân.

KẾT LUẬN

1. Từ khi tỉnh Nam Hà tách tỉnh thành tỉnh Hà Nam và Nam Định, thực hiện chủ trương Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2015), bộ mặt kinh tế, xã hội huyện Duy Tiên có những chuyển biến rõ nét. Trước năm 1996 Duy Tiên đã có sự phát triển nhất định về kinh tế, xã hội nhưng vẫn còn chậm chạp và mất cân đối giữa nông lâm nghiệp và công nghiệp. Chất lượng giáo dục, y tế chưa cao, hàng hóa lưu thông trên thị trường khan hiếm, thu nhập bình quân đầu người thấp.

2. Từ khi thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ, chính quyền, nhân dân huyện Duy tiên đã vận dụng sáng tạo được lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương và đã giành được nhiều thành tựu trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội.

Về kinh tế: Cơ cấu kinh tế của vùng có sự chuyển dịch. Nếu trước đây nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, trong khi các hoạt động thương mại, du lịch dịch vụ ít được đầu tư. Đến năm 2015 công nghiệp- dịch vụ đã có sự phát triển mạnh mẽ. Bước đầu nông nghiệp đã chuyển sang sản xuất hàng hóa. Tỷ trọng ngành chăn nuôi ngày càng tăng trong cơ cấu nông nghiệp. Ngành trồng trọt đã tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ, đưa nhiều loại giống cây trồng có giá trị cao vào sản xuất. Chăn nuôi bắt đầu hướng ra thị trường, phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển cả về số lượng và chất lượng, trở thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp của vùng.

Công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển đáng kể với sự hình thành các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng thu hút hàng nghìn lao động từ nông nghiệp. Sự xuất hiện của các doanh nghiệp đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn có sự khởi sắc. Đã hình thành

cụm công nghiệp Đồng Văn và Cụm công nghiệp Hòa Mạc với quy mô lớn. Nhiều tổ hợp sản xuất được hình thành và kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động.

Ngành du lịch, dịch vụ thương mại cũng được chú trọng đầu tư với khu du di tích lịch sử Long Đọi Sơn và Đền Lảnh Giang đang được trùng tu.

Về xã hội: Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong huyện không ngừng được nâng cao và cải thiện. giáo dục được coi là sự nghiệp của toàn dân có sự phát triển cả về quy mô, chất lượng và cơ sở hạ tầng. Công tác chăm sóc sức khỏe của người dân được quan tâm. Thực hiện tốt các chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi rộng khắp. Tình hình an ninh quốc phòng được giữ vững ổn định. Lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền, ngày càng được nâng cao.

3. Bên cạnh những thành tựu, Duy Tiên vẫn còn những hạn chế:

Sự phát triển kinh tế giữa các vùng trong huyện chưa đồng đều. Sản phẩm bán ra thị trường chưa phong phú đa dạng và có sắc thái riêng. Sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp chưa khai thác hết tiềm năng của huyện, thiết bị kỹ thuật còn lạc hậu, năng suất, chất lượng còn thấp, thu nhập của công nhân chưa cao. Công nghiệp chưa gắn chặt chẽ với nông lâm nghiệp và thị trường nông thôn trên địa bàn huyện, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông lâm sản.

Tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là tội phạm trộm cắp tài sản. Lao động – việc làm áp lực lớn đối với nền kinh tế của huyện. Vấn đề ô nhiễm môi trường chưa được xử lý triệt để. Cơ sở vật chất giáo dục và chất lượng giáo dục chưa đồng đều, còn thiếu đội ngũ y, bác sỹ có trình độ chuyên môn cao.

4. Để khắc phục những yếu kém trên, Đảng bộ chính quyền và nhân

dân trong huyện cần tiếp tục phát triển, đẩy mạnh hơn nữa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế - xã hội của huyện, luận văn xin đề xuất 8 giải pháp sau:

Một là: Giải pháp trên lĩnh vực kinh tế

- Phát triển nông nghiệp toàn diện, thực hiện chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả.

- Áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đổi mới công nghệ sản xuất trên cơ sở đảm bảo vấn đề môi trường.

- Nâng cao chất lượng hoạt động thương mại, dịch vụ và chiến lược mở rộng thị trường nông lâm sản cho nhân dân, gắn nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.

- Đẩy mạnh các ngành nghề ở nông thôn nhằm huy động mọi tiềm lực của khu vực nông thôn rộng lớn để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân, xóa dần sự cách biệt giữa nông thôn và thành thị.

Hai là: Giải pháp trên lĩnh vực xã hội

- Nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt chính sách xã hội hóa huy động các nguồn vốn để xây dựng cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học. Tăng cường các cơ sở dạy nghề, đa dạng ngành nghề đào tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho nhân dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ huyện xuống cơ sở, tuyên truyền bồi dưỡng y đức cho thầy thuốc, quản lý chặt chẽ y dược tu nhân.

- Đầu tư xây dựng các khu vui chơi, giải trí cho nhân dân. Tuyên truyền nếp sống mới, bài trừ các tệ nạn xã hội, các hủ tục mê tín dị đoan.

- Giáo dục tư tưởng, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Với những giải pháp trên cùng với quyết tâm của Đảng bộ, chính

quyền, nhân dân huyện Duy Tiên sẽ đạt được những thành tựu to lớn, vững bước tự tin cùng với tỉnh Hà Nam và nhân dân cả nước bước tiếp trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong những năm tiếp theo, đạt nhiều thành tựu rực rỡ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư Trung ương (4/2009), *Thông báo 238- BT/TW về việc xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới.*
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên (2009), *Lịch sử Đảng bộ huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam (1930-2005)*, Nxb Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Hà Nam.
3. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2002), *Nghị quyết 15- NQ/TW về đẩy nhanh công nghiệp hóa- hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn thời kì (2001- 2010).*
4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (5/8/2008), *Nghị quyết 26- NQ/TW về nông nghiệp- nông dân- nông thôn.*
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2012), *Nghị quyết 20- NQ/TW về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế.*
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Nghị quyết trung ương V khóa XI về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn từ nay đến 2010.*
7. Ban Nông nghiệp Trung ương (1991), *Kinh tế xã hội nông thôn ngày nay*, tập 1, Nxb tư tưởng văn hóa, Hà Nội.
8. Báo điện tử Vietnamnet (24/5/2007), *Thế kỉ XXI là thế kỉ của đại dương.*
9. Bộ Chính trị (1998), *ngị quyết 06/NQ- TW về một số vấn đề phát triển nông nghiệp nông thôn.*
10. Bộ Chính trị (2000), *Nghị quyết trung ương VI về phát triển nông nghiệp nông thôn.*
11. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2009), *Xây dựng nông thôn mới*

- thời kì công nghiệp hóa- hiện đại hóa giai đoạn 2010- 2020*, Hà Nội.
12. Phan Đại Doãn (chủ biên) (1996), *Quản lý xã hội nông thôn nước ta hiện nay một số vấn đề và giải pháp*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 13. Nguyễn Sinh Cúc (1996), *Nông nghiệp Việt Nam 1945- 1995*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 14. Lê Duẩn (1986), *Năm vừng đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa tiến lên xây dựng kinh tế địa phương vững mạnh*, Nxb sự thật, Hà Nội.
 15. Phạm Như Cương (1991), *Một số vấn đề về hợp tác hóa nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
 16. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 17. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 18. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện đại hội thời kì đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện hội nghị lần thứ IV ban chấp hành trung ương khóa X*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 23. *Địa chí Hà Nam*, 2005, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
 24. Bùi Huy Đáp, Nguyễn Điền (1996), *Nông nghiệp Việt Nam từ cội nguồn đến đổi mới*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 25. Lê Cao Đoàn (1999), *Đổi mới và phát triển vùng kinh tế ven biển*, Nxb

- chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Lê Mậu Hãn (chủ biên), Trần Bá Đệ, Nguyễn Văn Thư (2005), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb giáo dục.
 27. *Hỏi đáp về công nghiệp hóa- hiện đại hóa* (1999), Nxb thanh niên.
 28. Huyện ủy Duy Tiên (2000), *Báo cáo của ban chấp hành Đảng bộ huyện Duy Tiên khóa XX, nhiệm kỳ 2000 - 2005*.
 29. Huyện ủy Duy Tiên (2005), *Báo cáo của ban chấp hành đảng bộ huyện Duy Tiên khóa XXI, nhiệm kỳ 2000- 2010*.
 30. Huyện ủy Duy Tiên (2010), *Báo cáo của ban chấp hành đảng bộ huyện tại Đại hội Đại biểu khóa XXII, nhiệm kỳ 2010 - 2015*
 31. Đỗ Mười (1992), *Sự nghiệp đổi mới của chủ nghĩa xã hội*, Nxb sự thật, Hà Nội.
 32. Lê Nghiêm (1995), *Kinh tế nông thôn*, Nxb nông nghiệp, Hà Nội.
 33. *Nông nghiệp Việt Nam bước vào thế kỉ XXI* (1998), Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 34. *Phân tích chính sách nông nghiệp nông thôn* (1996), Nxb nông nghiệp, Hà Nội.
 35. Phòng Thống kê huyện Duy Tiên (2001), *Niên giám thống kê thời kì 1996- 2000*.
 36. Phòng Thống kê huyện Duy Tiên (2006), *Niên giám thống kê thời kì 2001- 2005*.
 37. Phòng Thống kê huyện Duy Tiên (2011), *Niên giám thống kê thời kì 2006- 2010*.
 38. Phòng Thống kê huyện Duy Tiên (2015), *Niên giám thống kê thời kì 1996- 2015*.
 39. Phòng Thống kê huyện Duy Tiên (2016), *Niên giám thống kê thời kì 2011- 2015*.
 40. Quyết định 800/ QĐ-TTĐ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020.
 41. Chu Hữu Quý (1996), *Phát triển toàn diện kinh tế- xã hội nông thôn nông nghiệp Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
 42. Tạp chí Cộng sản (6/2003), *Phát triển công nghiệp nông thôn là khâu mấu chốt trong chiến lược phát triển nhanh bền vững nông nghiệp nông thôn*, số 17.
 43. Tạp chí Cộng sản số 28 (10/ 2002), *Tạo bước chuyển biến mạnh mẽ hơn*

nữa tiến trình CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn.

44. Thủ tướng Chính phủ (16/4/2009), *Quyết định 491/ QĐ- TTG về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.*
45. Trương Thị Tiên (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Viện Sử học, *Lịch sử Việt Nam tập 15 (1986-2000)*, Nguyễn Ngọc Mão chủ biên, Nxb Khoa học và xã hội Hà Nội.
47. Trang web <http://duytien.gov.vn/>
48. Trang Web <http://hanam.gov.vn/>

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HUYỆN DUY TIÊN



Khu công nghiệp Đồng Văn (Nguồn: <http://duytien.gov.vn/>)



Khu công nghiệp Hòa Mạc (Nguồn: [http://duytien.gov.vn./](http://duytien.gov.vn/))





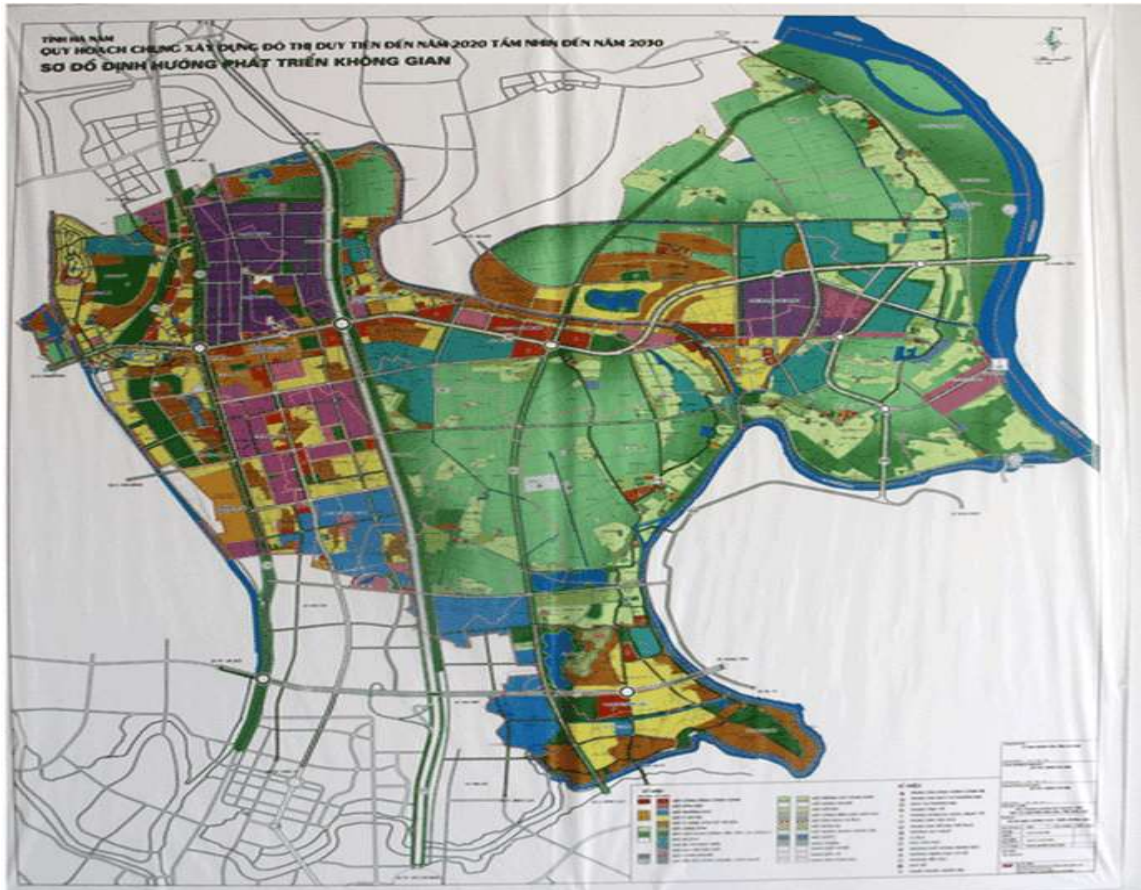
Hình ảnh về trồng Đọt Tam và lúa Nha Xá (Nguồn: [http://duytien.gov.vn./](http://duytien.gov.vn/))



Mô hình lúa cấy máy và chăn nuôi bò sữa (Nguồn: [http://duytien.gov.vn./](http://duytien.gov.vn/))



Nông thôn mới ở Duy Tiên (Nguồn: <http://duytien.gov.vn/>)



Quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

(Nguồn: [http://hanam.gov.vn./](http://hanam.gov.vn/))



Chất lượng giáo dục ngày càng được củng cố và nâng cao (Nguồn: <http://duytien.gov.vn/>)



Các mô hình dạy nghề giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững được huyện Duy Tiên thực hiện có hiệu quả (Nguồn: <http://duytien.gov.vn/>.)



Hoạt động Quốc phòng - Quân sự và An ninh trật tự, an toàn xã hội đảm bảo và nghiêm túc (Nguồn: <http://duytien.gov.vn/>)



Mô hình một cửa ở Duy Tiên (Nguồn: [http://duytien.gov.vn./](http://duytien.gov.vn/))